

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO
BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ
CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP
LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU.
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324850 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp Hà Nội cấp
thay đổi lần 5 ngày 17 tháng 11 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...43.. /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng
khoán Nhà nước cấp ngày ..13.. tháng 07 năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 - CTCP

Địa chỉ: Tầng 10-11 Tòa nhà ICON4, số 243A Đường Đê La Thành, Phường Láng
Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3642 0371 Fax: (04) 3681 2175

Website: <http://www.cienco4.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38181 888 Fax: 04.38181 888

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Ngô Trọng Nghĩa

Chức vụ: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0913274052

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324850 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp Hà Nội cấp thay đổi lần 5 ngày 17 tháng 11 năm 2014)



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP**
Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông.**
Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu.**
Giá bán: **10.000 đồng/cổ phiếu.**
Tổng khối lượng chào bán: **40.000.000 cổ phiếu.**
Tổng giá trị chào bán: **400.000.000.000 đồng.**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688
Website: <http://www.shs.com.vn>.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Điện thoại: (08) 39151368 Fax: (08) 39151369

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3525777 Fax: 0511.3525779

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CTY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - TDK



Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN, Phường Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04. 4450 0668 Fax: 04. 4450 0669
Website: <http://kiemtoanthanglongtdk.com>

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về pháp luật.....	7
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	9
5. Rủi ro pha loãng.....	10
6. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức phát hành.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....	15
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển.....	16
2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty.....	17
3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty và những người liên quan, cơ cấu cổ đông tại ngày 01.05.2015.....	22
3.1 Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm góp vốn.....	22
3.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần và những người có liên quan tại ngày 01.05.2015	22
3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 01/5/2015	24
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Cienco4, những công ty mà Cienco4 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cienco4.....	24
4.1 Công ty mẹ của CIENCO4.....	24
4.2 Công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của CIENCO4.	25
4.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cienco4	25
5. Quá trình tăng vốn điều lệ:.....	26
6. Hoạt động kinh doanh	26
6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty	26
6.2 Nguyên vật liệu	27
6.3 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm	29

6.4	Các dự án đầu tư.....	32
6.5	Chi phí sản xuất.....	36
6.6	Trình độ công nghệ	38
6.7	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	40
6.8	Hoạt động Marketing	41
6.9	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	41
6.10	Các hợp đồng lớn được thực hiện hoặc đã được ký kết	42
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	44
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty	44
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo	45
8.	Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	46
8.1	Vị thế của Tổng công ty trong ngành	46
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	47
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.	48
9.	Chính sách đối với người lao động	49
9.1	Tình hình lao động	49
9.2	Chính sách đối với người lao động	49
10.	Chính sách cổ tức	51
11.	Tình hình hoạt động tài chính	51
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	51
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	55
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	58
12.1	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	58
12.2	Danh sách thành viên Ban kiểm soát	68
12.3	Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	72
13.	Tài sản80	
13.1	Tài sản cố định	80
13.2	Tình hình sử dụng đất đai.....	81
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 – 2016.....	85
14.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015-2016.....	85
14.2	Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.	85
14.3	Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Tổng công ty.....	90
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	91
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng công ty.....	92
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	92
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty mà có thể ảnh hưởng	

đến giá của cổ phiếu.....	92
V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN	93
1. Loại cổ phiếu.....	93
2. Mệnh giá.....	93
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	93
4. Giá chào bán dự kiến.....	93
5. Phương pháp tính giá	93
5.1 Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách (BV).	93
5.2 Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B	93
5.3 Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E	94
6. Phương thức phân phối	95
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	95
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	96
8.1 Công bố báo chí.....	96
8.2 Đăng ký mua cổ phiếu.....	96
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	98
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	99
11. Các loại thuế có liên quan	99
11.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân.....	99
11.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức	100
12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	100
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	100
1. Mục đích chào bán	100
2. Phương án khả thi	104
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	105
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	106
IX. PHỤ LỤC	108

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Với đặc thù chuyên cung cấp các sản phẩm thi công trong lĩnh vực xây dựng mà nổi bật là đầu tư và xây dựng các công trình hạ tầng giao thông... hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà xưởng, đường giao thông và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh cầu về sản phẩm thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và gia tăng doanh thu, thị phần tiêu thụ cho Tổng công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự phát triển của ngành xây dựng nói chung và của Tổng công ty nói riêng.

Rủi ro tăng trưởng và lạm phát

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động. Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá đều đặn từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 1,84% năm 2014. Mức lạm phát năm 2014 được đánh giá là thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu của Quốc hội đặt ra từ đầu năm (7%) và là mức thấp nhất trong 13 năm qua. Đặc biệt, tính từ 1998 trở lại đây, việc CPI giảm ở tháng cuối năm mới chỉ xảy ra ở 2014 và 2008.

Xét về tăng trưởng kinh tế, năm 2014 kết thúc với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 5,98%. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu tăng 5,8% đề ra đầu năm của Quốc hội. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công

ng nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31% và 43,31%)¹. Bước sang năm 2015, Chính phủ chủ trương tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, điều chỉnh giảm lãi suất, đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu, đẩy mạnh hoạt động của VAMC – công ty mua, bán nợ nhằm chủ động đưa ra các gói hỗ trợ lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp.

Nhìn chung, mặc dù các điều kiện về kinh tế trong nước cũng như toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn sau khủng hoảng, tăng trưởng vẫn còn chậm và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Những năm gần đây, lãi suất huy động và cho vay đều ở xu hướng giảm mạnh. Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có nhiều lần điều chỉnh giảm lãi suất, ví dụ như hai lần giảm 1% các lãi suất chủ chốt vào ngày 26/03/2013 và 10/05/2013. Lãi suất huy động cũng liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối năm, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay.

Như vậy, trong một nền kinh tế chung chưa phục hồi, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp.

2. Rủi ro về pháp luật

Là một Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần do vậy hoạt động của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Tổng công ty trên thị trường.

¹ Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Tổng công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Tổng công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro hoạt động

Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng mà chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính. Để khắc phục rủi ro này Tổng công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

❖ Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào

Với đặc thù của một đơn vị thi công xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Tổng công ty chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí. Bên cạnh đó công nghệ thi công của Tổng công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Tổng công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu, ... đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Tổng công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các

hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp, ... nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

❖ **Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:**

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ **Rủi ro về mặt kỹ thuật:**

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo, với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Tổng công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ **Rủi ro về khả năng thanh toán:**

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay do đó Tổng công ty phải huy động vốn từ các nguồn bên ngoài, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Vay nợ, đặc biệt là các khoản nợ dài hạn ngân hàng, Tổng công ty phải trả chi phí lãi vay nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng. Để khắc phục những tồn tại trên Tổng công ty đã và đang thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả như: kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

❖ **Rủi ro của đợt chào bán**

Nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng vẫn đang diễn biến phức tạp và khó lường, giá cổ phiếu hiện tại thấp nên đợt chào bán có thể gặp rủi ro không chào bán hết do

các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Tổng công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu. Xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.
- Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo duy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh nếu phát sinh. Trong suốt quá trình hoạt động, Tổng công ty đã duy trì được mối quan hệ tín dụng tốt với ngân hàng. Do vậy, trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Tổng công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết. Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và làm giảm lợi nhuận của Tổng công ty.

Tuy nhiên, với triển vọng tăng trưởng của Tổng công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Tổng công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

❖ **Rủi ro của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán:**

Nền kinh tế Việt Nam sau giai đoạn khủng hoảng còn đang trên đà phục hồi và tăng trưởng chậm, chưa có nhiều bứt phá và vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổng công ty chủ yếu được dùng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư hạ tầng giao thông như dự án Cầu Yên Lệnh giai đoạn 2, dự án xây dựng đường cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới. Đây là những dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, có thời gian thu hồi vốn dài nhưng lại đòi hỏi số tiền đầu tư lớn. Điều này có thể tạo nên những rủi ro nhất định đến khả năng thanh toán cũng như mức sinh lời của Tổng công ty. Tuy nhiên, với định hướng chung của Bộ GTVT là triển khai quyết liệt việc nâng cấp, phát triển hạ tầng giao thông, những dự án đầu tư này cho thấy định hướng phát triển của Tổng công ty rất phù hợp với định hướng của ngành và chính sách của Nhà nước.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm 2015 là 40.000.000 cổ phần chiếm 66,67% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Tổng công ty, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

❖ **Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu**

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế

chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Tổng công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cân trọng về vấn đề này.

❖ **Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu**

Giá của một loại hàng hóa phụ thuộc rất lớn vào cung – cầu trên thị trường của hàng hóa đó. Nếu nguồn cung lớn, cầu ít thì giá sẽ tăng và ngược lại. Giá cổ phiếu cũng không nằm ngoài quy luật trên. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của Tổng công ty sẽ làm tăng nguồn cung cổ phiếu ra thị trường, như vậy, rủi ro bị pha loãng giá cổ phiếu có thể sẽ xảy ra làm cho giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường giảm xuống.

Cụ thể giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{[\text{Slg CP lưu hành (*) giá thị trường}] + (\text{+}) [\text{Slg CP chào bán cho CĐHH (*) giá chào bán}]}{\text{Slg CP lưu hành (+) Slg CP chào bán cho CĐHH}}$$

Dự kiến trong năm 2015, CIENCO4 sẽ chào bán 40.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thông qua 02 (hai) đợt phát hành:

Đợt 1, chào bán 12.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 600 tỷ đồng lên 720 tỷ đồng. Với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Tổng công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 20,00% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh và ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu của CIENCO4.

Giả sử giá cổ phiếu của CIENCO4 đang giao dịch trên thị trường là 13.000 đồng/ cổ phiếu, giá cổ phiếu của CIENCO4 sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá cổ phiếu sau điều chỉnh} = \frac{[\{ 60.000.000 * 13.000 + 12.000.000 * 10.000 \}]}{(60.000.000 + 12.000.000)} = 12.500 \text{ đồng/CP}$$

Đợt 2, chào bán 28.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 720 tỷ đồng lên 1000 tỷ đồng. Với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Tổng công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 38,89% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh và ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu của CIENCO4.

Giả sử giá cổ phiếu của CIENCO4 đang giao dịch trên thị trường là 12.500 đồng/ cổ phiếu, giá cổ phiếu của CIENCO4 sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá cổ phiếu sau điều chỉnh} = \frac{[72.000.000 \times 12.500 + 28.000.000 \times 10.000]}{(72.000.000 + 28.000.000)} = 11.800 \text{ đồng/CP}$$

Như vậy, qua hai đợt phát hành, giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và EPS của CIENCO4 có nguy cơ bị giảm do tác động pha loãng.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như CIENCO4 sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

6. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Tổng công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Nguyễn Quang Vinh	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Bà: Lương Thị Thanh Bình	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Ông: Nguyễn Tuấn Huỳnh	Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Vĩnh Lộc	Chức vụ: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Đại diện theo pháp luật: **Ông Vũ Đức Tiến**
Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP cung cấp

III. CÁC KHÁI NIỆM

Tổng công ty	: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP
CIENCO4	: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP
BCTC	: Báo cáo tài chính
BGTVT	: Bộ Giao thông vận tải
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng quản trị
SHS	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tổ chức tư vấn	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
XDCT	: Xây dựng công trình
VND	: Đồng Việt Nam
VCSH	: Vốn chủ sở hữu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.

- Tên Công ty: **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP**
- Tên tiếng Anh: **Civil Engineering Construction Corporation No. 4 Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **CIENCO4**
- Vốn điều lệ: **600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)**
- Trụ sở chính: **Tầng 10-11 Tòa nhà ICON4, số 243A Đường Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.**
- Điện thoại: **(04) 3642 0371** Fax: **(04) 3681 2175**
- Website www.cienco4.vn
- Logo của Tổng công ty:



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

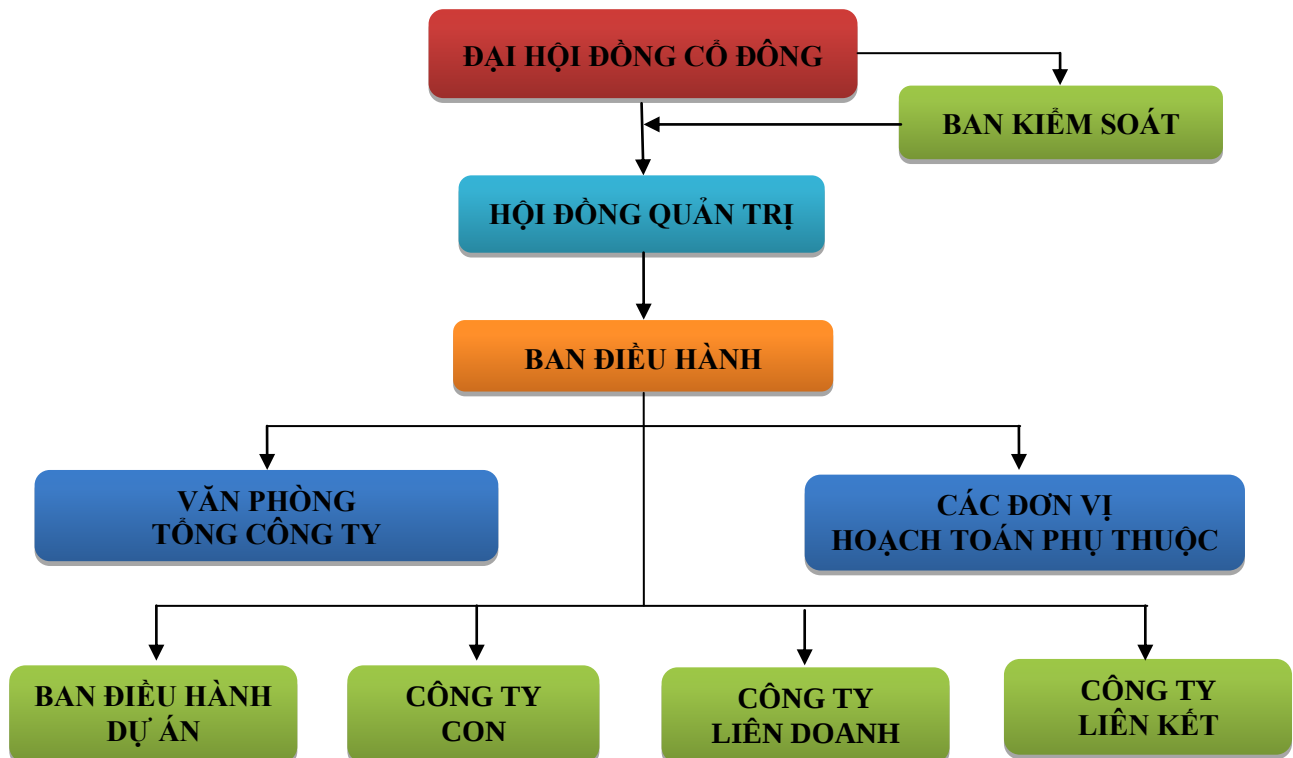
- **Giấy chứng nhận ĐKKD:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324850 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp Hà Nội cấp thay đổi lần 5 ngày 17 tháng 11 năm 2014
- **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi - nông - lâm nghiệp;
 - Xây dựng các công trình hạ tầng cấp thoát nước, san lấp nền, điện chiếu sáng;
 - Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, các công trình hạ tầng khác theo phương thức B.O.T hoặc B.T; Đầu tư bất động sản: khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng, khách sạn - nhà hàng, khu du lịch, nuôi trồng thủy hải sản, trồng rừng.
 - Khảo sát, thiết kế công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thủy lợi - nông - lâm nghiệp và công trình hạ tầng;
 - Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thủy lợi - nông - lâm nghiệp và công trình hạ tầng;
 - Kinh doanh bất động sản: nhà ở, văn phòng, khách sạn - nhà hàng, du lịch;...

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP (sau đây gọi tắt là CIENCO4) được thành lập trên cơ sở sắp xếp lại Văn phòng Tổng công ty, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các chi nhánh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo Quyết định số 2601/QĐ-BGTVT ngày 22/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. CIENCO4 là đơn vị kế thừa truyền thống của Cục Công trình - Bộ Giao thông vận tải, được thành lập ngày 27/12/1962 tại Hà Nội. Tháng 6/1965 để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giao thông vùng Khu 4 cũ, Cục Công trình được chuyển vào Nghệ An và đổi tên thành Cục Công trình I. Đến năm 1976 Cục chuyển sang làm nhiệm vụ khôi phục và xây dựng kinh tế và được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp công trình I. Cuối năm 1982 đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông 4. Năm 1991, Bộ Giao thông vận tải quyết định tách lực lượng xây dựng cơ bản trong Liên hiệp và thành lập Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông Miền Trung. Tháng 12/1995, Tổng công ty được Bộ giao thông vận tải thành lập lại (tại quyết định số 4985/QĐ-BGTVT) và đổi tên thành Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4. Ngày 22/8/2007 Bộ Giao thông vận tải ra quyết định số 2601/QĐ-BGTVT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4.

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty. Ngày 02/06/2014, Tổng công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP (Cienco4)

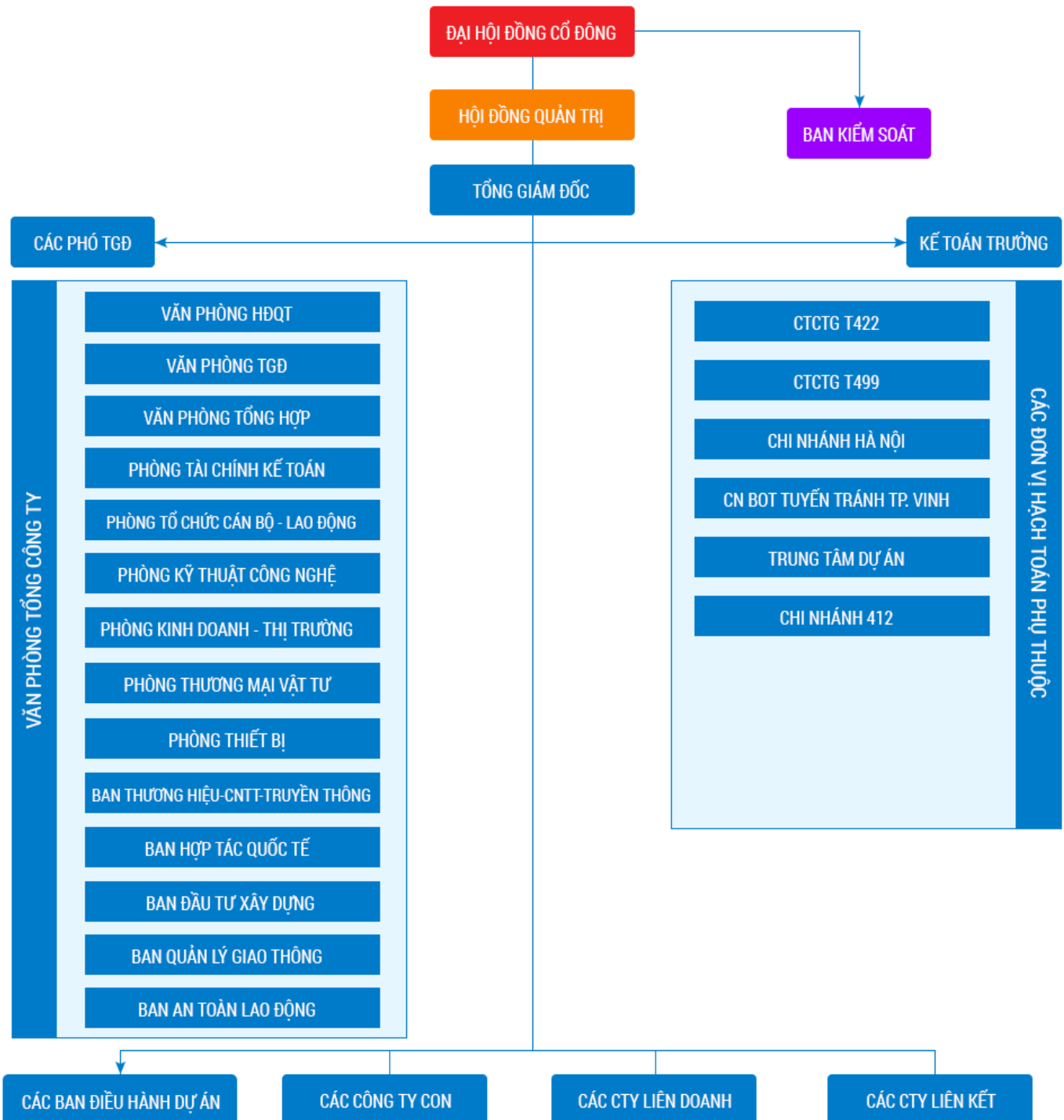
Cơ cấu tổ chức Tổng công ty



Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Tổng công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Tổng công ty



- **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Tổng công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. ĐHĐCĐ có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ Tổng công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Tổng công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ và pháp luật.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty), bao gồm:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty.
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm trình lên ĐHĐCĐ.
- Kiến nghị nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

• **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng công ty:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của công ty mẹ và các công ty thành viên, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT cho ĐHĐCĐ.
- Kiến nghị ĐHĐCĐ các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty.
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều

hành hoạt động của Tổng công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp.

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của ĐHĐCĐ.

- **Ban Điều hành**

Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng Quản trị, khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ của Tổng công ty.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các **Phó Tổng Giám đốc**. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh.

Kế toán trưởng: Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty. Tổ chức phân tích các hoạt động kinh tế trong Tổng công ty một cách thường xuyên, đánh giá kết quả và hiệu quả kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty, nghiên cứu cải tiến tổ chức kinh doanh nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn kinh doanh, đồng vốn của Tổng công ty.

Ban Điều hành là bộ phận điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Ban Điều hành có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Tổng công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản

lý của Tổng công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Tổng công ty;
- Đại diện Tổng công ty trước Pháp luật, đại diện Tổng công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Tổng công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

• **Các Khối Chức năng/ Phòng ban:**

- Các phòng ban chức năng có chức năng, nhiệm vụ:
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty theo chức năng được Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty qui định.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chức năng.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Tổ chức hoạt động kinh doanh các lĩnh vực được phân công.

• **Các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết có vốn của Tổng công ty.**

Các công ty con: Công ty TNHH MTV 414.

Các công ty liên doanh: Công ty TNHH BOT Yên Lệnh, Công ty TNHH 2TV BOT QL1A CIENCO4 –TCT 319, Công ty TNHH BOT Thái Nguyên –Chợ Mới.

Các công ty tự nguyện liên kết: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Xây dựng giao thông 208, Công ty cổ phần 228, Công ty cổ phần 246, Công ty CP Sản xuất vật liệu và XDCT 405, Công ty CP XDCTGT 419, Công ty cổ phần 423, Công ty CP xây dựng 465, Công ty cổ phần 471, Công ty cổ phần 473, Công ty cổ phần 474, Công ty cổ phần 475, Công ty cổ phần 479, Công ty cổ phần 482, Công ty cổ phần 483, Công ty cổ phần 484, Công ty CP Xây dựng & Đầu tư 492, Công ty cổ phần 495, Công ty cổ phần 496.

3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty và những người liên quan, cơ cấu cổ đông tại ngày 01.05.2015.

3.1 Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm góp vốn

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp thì: “*Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất ba cổ đông sáng lập; công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập...*”

Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP có tiền thân là Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 vốn là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Tổng công ty chính thức chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324850 thay đổi lần 3 ngày 02/06/2014 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp Hà Nội cấp. Do trong Điều lệ Tổng công ty không có quy định về cổ đông sáng lập nên Tổng công ty không có cổ đông sáng lập cũng như cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng.

3.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần và những người có liên quan tại ngày 01.05.2015

• Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5%

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc	30.900.000	51,5%
2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	6.000.000	10,0%

• Danh sách người có liên quan

Đối với cổ đông lớn là tổ chức:

*** Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc:**

Chức vụ	Họ Tên	CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ
Hội đồng quản trị				
Chủ tịch Hội đồng quản trị	Trần Tuấn Lộc	281004998	960.000.000	60%
Phó chủ tịch HĐQT	Hồ Sỹ Hòa	012189346		
Thành viên HĐQT	Nguyễn Trường Sơn	182446086	240.000.000	15%

Thành viên HĐQT	Trần Tuấn Long	182127252	240.000.000	15%
Thành viên HĐQT	Nguyễn Thị Bình	182549644	160.000.000	10%
Ban Kiểm soát	Không có			
Ban Tổng Giám đốc				
Tổng Giám đốc	Bùi Thái Hà	025788330	0	
Phó Tổng giám đốc	Nguyễn Trường Sơn	182446086	0	
Phó Tổng giám đốc	Nguyễn Thị Bình	182549644	0	
Phó Tổng giám đốc	Phan Anh Dũng	024368406	0	
Phó Tổng giám đốc	Huỳnh Bảo Đức	321077572	0	
Phó Tổng giám đốc	Đặng Văn Chất	040077000047	0	
Phó Tổng giám đốc	Trần Hoài Nam	023275684	0	
Phó Tổng giám đốc	Nguyễn Ngọc Thắng	201503991	0	
Kế toán trưởng				
Kế toán trưởng	Nguyễn Xuân Nghĩa	212635800	0	

***Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội**

Chức vụ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
Chủ tịch HĐQT	Đỗ Quang Hiến	010142347	39,232	
Thành viên HĐQT	Nguyễn Văn Lê	013532086	28/03/2012	
Thành viên HĐQT	Trần Ngọc Linh	360399878	28/10/2003	
Thành viên HĐQT	Đỗ Quang Huy	011233596	12/01/2012	
Thành viên HĐQT	Phạm Ngọc Tuấn	011712680	05/04/2012	
Thành viên HĐQT	Lê Quang Thung	021607659	40,814	
Ban Kiểm soát				
Trưởng BKS	Phạm Hòa Bình	360067570	05/08/2004	
Phó BKS	Nguyễn Hữu Đức	011680883	17/10/2007	
Thành viên BKS	Bùi Thanh Tâm	022874093	19/03/2008	
Ban Tổng giám đốc				
Tổng giám đốc	Nguyễn Văn Lê	013532086	28/03/2012	
Phó Tổng giám đốc	Đặng Trung Dũng	012496881	24/04/2002	
Phó Tổng giám đốc	Lê Đăng Khoa	012031366	19/06/2011	
Phó Tổng giám đốc	Ngô Thu Hà	011628331	16/08/2010	
Phó Tổng giám đốc	Ninh Thị Lan Phương	012503250	01/10/2010	
Phó Tổng giám đốc	Đặng Tổ Loan	012946085	23/02/2007	

Phó Tổng giám đốc	Nguyễn Huy Tài	111668663	22/06/2010	
Kế toán trưởng				
Kế toán trưởng	Ngô Thị Vân	012072526	08/11/2012	

Đối với cổ đông lớn là cá nhân: Không có

3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 01/5/2015

Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I. Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II. Cổ đông trong nước	54.936.752	549.367.520.000	91,57%
* Cá nhân	16.086.752	160.867.520.000	26,81%
* Tổ chức	38.850.000	388.500.000.000	64,76%
III. Cổ đông ngoài nước	5.063.248	50.632.480.000	8,43%
* Cá nhân	-	-	-
* Tổ chức	5.063.248	50.632.480.000	8,43%
Tổng	60.000.000	600.000.000.000	100,00%

Hiện Tổng công ty có 1.453 cổ đông, trong đó có 04 cổ đông tổ chức là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Cienco4, những công ty mà Cienco4 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cienco4

4.1 Công ty mẹ của CIENCO4.

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc.

Địa chỉ : 362/14 đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Giấy CN ĐKKD : Số 0303898093 do Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/07/2005

Điện thoại : (08) 62585039 Fax: (08) 62581346

Ngành nghề kinh doanh : Công ty CP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2005, với ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, hệ

thống cung cấp nước sạch, Beton cốt thép... Hiện nay, Công ty đang xúc tiến đẩy mạnh hoạt động đầu tư trên lãnh thổ cả nước và hợp tác nước ngoài, với nhiều công trình, dự án trọng điểm.

Số cổ phần tại CIENCO4 : 30.900.000 cổ phần tương đương 51,5% vốn điều lệ

4.2 Công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của CIENCO4.

Tính đến thời điểm 31/03/2015: Tổng công ty đang thực hiện đầu tư tại 01 Công ty con và 03 Công ty liên doanh với tổng số vốn là 295.866.520.000 đồng. Cụ thể như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I.	Công ty con		20.000.000.000	
1.	Công ty TNHH MTV 414	Tầng 12A, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội	20.000.000.000	100%
II.	Công ty liên doanh		275.866.520.000	
1.	CT TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Chinh, Phường Lam Sơn, tỉnh Hưng Yên	23.870.000.000	50,58%
2.	CT TNHH 2TV BOT QL1A Cienco 4 – TCT 319	Số 29, Quang Trung, Tp Vinh, Nghệ An	131.120.520.000	50%
3.	CT TNHH MTV BOT Thái Nguyên – Chợ Mới	Km 76+100, Quốc lộ 3; xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, Thái Nguyên	120.876.000.000	34,54%

Nguồn: CIENCO4

4.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Cienco4

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc.

Địa chỉ : 362/14 đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Giấy CN ĐKKD : Số 0303898093 do Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/07/2005

Điện thoại : (08) 62585039 Fax: (08) 62581346

Ngành nghề kinh doanh : Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2005, với ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, hệ

thống cung cấp nước sạch, Beton cốt thép... Hiện nay, Công ty đang xúc tiến đẩy mạnh hoạt động đầu tư trên lãnh thổ cả nước và hợp tác nước ngoài, với nhiều công trình, dự án trọng điểm.

Số cổ phần tại CIENCO4 : 30.900.000 cổ phần tương đương 51,5% vốn điều lệ

5. Quá trình tăng vốn điều lệ:

Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, Tổng công ty chưa thực hiện bất cứ lần tăng vốn nào

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty

Là một đơn vị có truyền thống về xây dựng, Tổng công ty tập trung mảng xây lắp công trình giao thông: cầu, đường bộ, ...; Công trình thủy lợi; Sân bay; Hạ tầng cấp thoát nước; San lấp nền; Điện chiếu sáng. Ngoài ra, Tổng công ty cũng tham gia vào các lĩnh vực khác như sản xuất – khai thác, đầu tư – kinh doanh, cung cấp dịch vụ,...

Các lĩnh vực kinh doanh chính:

a) Xây dựng:

Xây dựng các công trình giao thông

Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi - nông - lâm nghiệp;

Xây dựng các công trình hạ tầng cấp thoát nước, san lấp nền, điện chiếu sáng;

Xây dựng công trình điện, thông tin liên lạc;

Sản xuất – Khai thác

Sản xuất, kinh doanh điện, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm;

Gia công chế tạo dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí;

Chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, xe máy;

Khai thác vật liệu, khoáng sản: mỏ đá các loại, sỏi cát, quặng;

Khai thác chế biến lâm sản;

b) Đầu tư – Kinh doanh

Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, các công trình hạ tầng khác theo phương thức B.O.T hoặc B.T;

Đầu tư các nhà máy thủy điện nhỏ, xây dựng, sản xuất và kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng, chế tạo máy móc - thiết bị, hàng hoá theo phương thức B.O.O;

Đầu tư bất động sản: khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng, khách sạn - nhà hàng, khu du lịch, nuôi trồng thủy hải sản, trồng rừng.

Khảo sát, thiết kế công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thủy lợi - nông - lâm nghiệp và công trình hạ tầng;

Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông, dân dụng, điện, công nghiệp, thủy lợi - nông - lâm nghiệp và công trình hạ tầng;

Thí nghiệm vật liệu xây dựng; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình giao thông và công trình thuộc ngành khác;

Kinh doanh thương mại; xuất khẩu hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị.

Kinh doanh bất động sản: nhà ở, văn phòng, khách sạn - nhà hàng, du lịch;

Kinh doanh chứng khoán và đầu tư tài chính;

c) Đào tạo – Dịch vụ

Đào tạo nghề ngắn hạn, hợp tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới;

Cung ứng lao động trong nước; xuất khẩu lao động và chuyên gia;

Vận tải hành khách;

Vận tải hàng hoá, vật tư;

Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

6.2 Nguyên vật liệu

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Hoạt động trong lĩnh vực công trình giao thông nên nguyên vật liệu chủ yếu của Tổng công ty là: Nhựa đường, cát, đá, xi măng sỏi,... chủ yếu là nhựa đường. Nguồn cung cấp vật liệu còn nhiều khó khăn đặc biệt là đá các loại phải vận chuyển xa, ảnh hưởng đến giá thành xây dựng làm

giảm lợi nhuận.

Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu:

Trong những năm qua do xu thế của nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục, giá điện, xăng dầu hàng hóa dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên Tổng công ty đã có mối quan hệ lâu dài và tin cậy với các đơn vị cung cấp nên luôn chủ động được nguồn nguyên liệu cho các công trình, đảm bảo được tiến độ theo Hợp đồng ký kết.

Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:

Là một Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông nên tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trong giá vốn là rất lớn (khoảng 90%), vì vậy, sự biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào là nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Tổng công ty. Để hạn chế các rủi ro do biến động giá cả ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, Tổng công ty thường xuyên thu thập thông tin, thống kê dự báo và nhận định tình hình thị trường của các loại nguyên vật liệu.

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu của Tổng công ty:

Các nhà cung cấp nguyên liệu chính của Tổng công ty bao gồm:

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	Công ty cổ phần giải pháp công nghệ	Thép
2	Công ty cổ phần kim khí Miền Trung	Thép
3	Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	Xi măng
4	Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư CNT	Xi măng, thép
5	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Miền Trung	Xi măng
6	Công ty cổ phần TM TV&XD Vĩnh Hưng	Cáp, gối, neo
7	Công ty TNHH cung ứng nhựa đường ADCo	Nhựa đường
8	Công ty cổ phần thương mại và tư vấn Tân Cơ	Cáp, gối, neo
9	Công ty TNHH nhựa đường PETROLIMEX	Nhựa đường
10	TianJin Metallurgy Group Flourish Stell Industrial Co.Ltd (Thiên Tân, Trung Quốc)	Cáp dự ứng lực

Nguồn: CIENCO4

6.3 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm

a) Cơ cấu doanh thu qua các năm

Giai đoạn trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Doanh thu thuần	Năm 2013		Năm 2014 (trước CPH)	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Xây lắp	3.473.431	79,92%	1.970.407	76,22%
2	Khác	872.752	20,08%	614.751	23,78%
	Tổng	4.346.183	100%	2.585.158	100%

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã kiểm toán của CIENCO4

Giai đoạn sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Doanh thu thuần	Năm 2014 (sau CPH)		Quý I/2015	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Xây lắp	3.321.891	80,05%	983.803	87,46%
2	Khác	827.940	19,95%	141.094	12,54%
	Tổng	4.149.831	100%	1.124.897	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán công ty mẹ năm 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4
Lưu ý: Công ty chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần từ 02/06/2014

Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Doanh thu thuần	Năm 2014		Quý I/2015	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Xây lắp	3.274.283	79,82%	986.491	87,49%
2	Khác	827.940	20,18%	141.094	12,51%
	Tổng	4.102.223	100%	1.127.585	100%

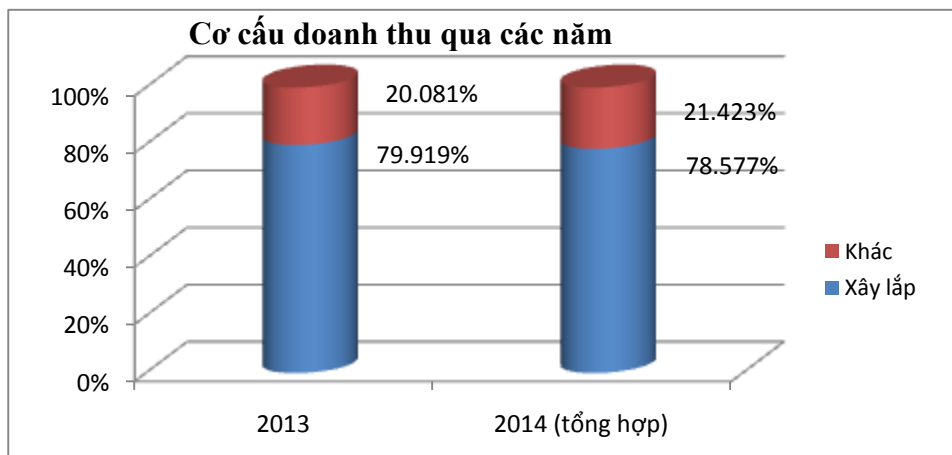
Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

Nếu chỉ xét giai đoạn sau cổ phần hóa, doanh thu năm 2014 của CIENCO4 (Công ty mẹ) giảm 4,52% so với năm 2013, đạt 4.149 tỷ đồng trong đó hoạt động chủ yếu mang lại doanh thu là Xây lắp, chiếm 80,05% tổng doanh thu. Tuy nhiên nếu tính doanh thu tổng hợp của 2 giai đoạn trước và sau cổ phần hóa, doanh thu của Tổng Công ty năm 2014 đạt 6.735 tỷ đồng, tăng 54,96%

so với năm 2013.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu của CIENCO4 có tính ổn định cao, điều này là dễ hiểu đối với một doanh nghiệp có bề dày lịch sử phát triển lâu đời như Tổng công ty. Dưới sự hỗ trợ nhất định từ phía Bộ GTVT trong những năm gần đây, CIENCO4 đã được giao thực hiện các hợp đồng xây lắp lớn mà điển hình là hợp đồng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới. Điểm mạnh của CIENCO4 so với các doanh nghiệp cùng ngành chính là một danh mục khách hàng lớn cũng như các hợp đồng có giá trị cao, nguồn vốn đầu tư đảm bảo, tạo tiền đề cho triển vọng phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

Bước sang năm 2015, doanh thu của CIENCO4 có dấu hiệu giảm nhẹ ở đầu năm, với tổng doanh thu Quý I/2015 đạt 1.124 tỷ đồng đối với công ty mẹ và 1.127 tỷ đồng đối với doanh thu hợp nhất.



b) Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Giai đoạn trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hoạt động	Năm 2013		Năm 2014 (trước CPH)	
		Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng
1	Xây lắp	214.337	4,93%	120.825	4,68%
2	Khác	36.351	0,84%	16.072	0,62%
Tổng		250.688	5,77%	136.897	5,30%

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã kiểm toán của CIENCO4

Giai đoạn sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hoạt động	Năm 2014 (sau CPH)		Quý I/2015	
		Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng
1	Xây lắp	264.105	6,36%	97.560	8,67%
2	Khác	38.624	0,93%	7.209	0,64%
Tổng		302.729	7,29%	104.769	9,31%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4

Lưu ý: Công ty chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần từ 02/06/2014

Cơ cấu lợi nhuận hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hoạt động	Năm 2014		Quý I/2015	
		Lợi nhuận	Tỷ trọng	Lợi nhuận	Tỷ trọng
1	Xây lắp	288.828	7,04%	99.553	8,83%
2	Khác	38.624	0,94%	7.356	0,65%
Tổng		327.452	7,98%	106.909	9,48%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

Dù chỉ tính riêng giai đoạn 7 tháng sau cổ phần hóa, lợi nhuận gộp của CIENCO4 (công ty mẹ) năm 2014 đã đạt được 302 tỷ đồng, tăng đến hơn 20% so với năm 2013. Kết quả này có được là nhờ nỗ lực của ban lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV của Tổng công ty trong năm qua nhằm cắt giảm những chi phí không cần thiết.

Hoạt động xây lắp truyền thống vẫn là mảng kinh doanh chính của Tổng công ty khi luôn chiếm hơn 85% trong tổng lợi nhuận gộp của CIENCO4. Nếu tính tổng hợp cả 2 giai đoạn, lợi nhuận gộp của Tổng công ty năm 2014 sẽ là 439 tỷ đồng, gấp gần 2 lần năm 2013. Có thể thấy, cơ cấu lợi nhuận gộp của CIENCO4 được duy trì khá ổn định qua các năm. Doanh thu tăng cao trong khi tỷ trọng chi phí không đổi giúp cho kết quả kinh doanh năm 2014 của CIENCO4 khởi sắc hơn hẳn những năm trước.

Bước sang Quý I/2015, Lợi nhuận gộp của CIENCO4 đạt 105 tỷ đồng đối với công ty mẹ và 107 tỷ đồng đối với lợi nhuận hợp nhất. Mặc dù doanh thu cho thấy sự sụt giảm, lợi nhuận gộp của Tổng Công ty vẫn được giữ vững. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu tăng dần qua các năm cho thấy tín hiệu tích cực về khả năng kiểm soát giá vốn hàng bán ngày càng tốt của CIENCO4.

6.4 Các dự án đầu tư

a) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên - Chợ Mới

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên - Chợ Mới và nâng nấp, mở rộng Quốc lộ 3 đoạn Km75 - Km100 theo hình thức BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao).
- Chủ đầu tư: Liên danh Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 (Cienco 4) - Công ty CP Đầu tư xây dựng Tuần Lộc - Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Trường Lộc Việt Nam
- Thời gian khởi công: 09/2014
- Thời gian hoàn thành: 12/2016
- Giá trị Dự án: Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm lãi vay) khoảng 2.746 tỉ đồng
- Quy mô Dự án: Đường cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới (dài 40,3 km) có điểm đầu giao với Quốc lộ 3 tại Km75+750 (thuộc địa phận xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương) và điểm cuối giao với đường trục khu công nghiệp Thanh Bình (thuộc địa phận xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới). Tuyến đường được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc, với tốc độ thiết kế 60-80 km/h để nâng thành đường cao tốc trong giai đoạn sau. Dự án có quy mô 2 làn xe cơ giới, bề rộng nền đường 12 m.

Quốc lộ 3 đoạn Km75 - Km100 có điểm đầu tại nút giao Tân Long (xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên) và điểm cuối tại nút giao với đường 268 thuộc địa phận xã Yên Đồ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Đoạn đường sẽ được giữ nguyên quy mô, cấp đường hiện tại đối với đoạn Km75-Km93, mở rộng đảm bảo quy mô tiêu chuẩn cấp đường III miền núi đối với đoạn Km93-Km100. Nền đường rộng tối thiểu 9 m.

b) Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng QL1 đoạn Nam cầu Bến Thủy – Tuyến tránh TP Hà Tĩnh

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng QL1A đoạn Nam cầu Bến Thủy-Tuyến tránh TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh theo hình thức hợp đồng BOT
- Chủ đầu tư: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4-CTCP (Cienco 4)
- Thời gian khởi công: 09/2012
- Thời gian hoàn thành: 01/2014
- Giá trị Dự án: Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm lãi vay) khoảng 2.434 tỉ đồng

- Quy mô Dự án: Tuyến chính có điểm đầu giao với đường đầu cầu Bến Thủy II với QL8B thuộc xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh(Km16+500 QL8B); Điểm cuối: Km504+400 (nút giao đầu tuyến tránh TP Hà Tĩnh với QL1A thuộc xã Thạch Việt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh). Tuyến nhánh có điểm đầu: Km484 QL1A; điểm cuối giao với QL8B với QL1A (Km485+653 QL1A) thuộc thị xã Hồng Lĩnh. Chiều dài tuyến nghiên cứu L=35,1Km.
-Phân đường : cấp đường theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, tốc độ thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$, tần suất thiết kế tuyến, cống $P=4\%$. Thiết kế đảm bảo 4 làn xe cơ giới và 2 làn xe thô sơ, giải phân cách giữa.
- Phần cầu: cầu vĩnh cửu bằng BTCT, BTCTDUL, khổ cầu phù hợp với khổ nền đường, tải trọng thiết kế cầu HL93.
- c) **Đầu tư bổ sung hạng mục tăng cường mặt đường tuyến tránh TP Vinh tỉnh Nghệ An vào dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng QL1 đoạn Nam cầu Bến Thủy đến Tuyến tránh TP Hà Tĩnh theo hình thức hợp đồng BOT.**
 - Tên hạng mục: Tăng cường mặt đường tuyến tránh TP Vinh tỉnh Nghệ An vào dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng QL1 đoạn Nam cầu Bến Thủy đến Tuyến tránh TP Hà Tĩnh theo hình thức hợp đồng BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao).
 - Chủ đầu tư: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP
 - Thời gian khởi công: 12/2013
 - Thời gian hoàn thành: 04/2014
 - Giá trị Dự án: Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm lãi vay) khoảng 393 tỉ đồng
 - Quy mô Dự án: Dự án có điểm đầu tại Km0+000 (giao với QL1 tại Km448+800 phía Bắc thị trấn Quán Hành); điểm cuối tại Km23+995 tuyến tránh Vinh hiện tại(đầu trạm thu phí cầu Bến Thủy 2, tiếp giáp với cầu Trạm Bơm). Chiều dài toàn bộ tuyến khoảng 24km. Mặt cắt ngang nền, mặt đường giữ nguyên hiện trạng chỉ châm chước thu hẹp bề rộng nền đường ở một số vị trí do việc tôn cao mặt đường. Nền, mặt đường cải tạo tăng cường nền, mặt đường đảm bảo $E_{yc}\geq 160\text{Mpa}$, mặt đường cấp cao A1, trước khi tăng cường, tiến hành xử lý triệt để các hư hỏng nền, mặt đường hiện tại.

- d) Dự án đầu tư xây dựng công trình nút giao khác mức tại điểm giao cắt giữa QL46 với đường sắt Bắc Nam tại lý trình Km321+333 theo hình thức hợp đồng BOT**
- Tên dự án: đầu tư xây dựng công trình nút giao khác mức tại điểm giao cắt giữa QL46 với đường sắt Bắc Nam tại lý trình Km321+333 theo hình thức hợp đồng BOT
 - Chủ đầu tư: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP
 - Thời gian khởi công: 04/2014
 - Thời gian hoàn thành: 09/2014
 - Giá trị Dự án: Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm lãi vay) khoảng 435 tỉ đồng
 - Quy mô Dự án: Điểm đầu: Km15+128, QL46 là điểm giao cắt giữa các tuyến phố Đặng Thái Thân, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng và QL46, thuộc địa phận Phường Cửa Nam, TP. Vinh. Điểm cuối: Km15+840, QL46 thuộc địa phận Phường Cửa Nam, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An. Tổng chiều dài đường dẫn và cầu vượt khoảng 712m. Cầu vượt đường sắt được thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, BTCTDUL, bề rộng cầu 20m, tại nhịp vượt đường sắt mở rộng lên 24,5m để phục vụ cho người đi bộ từ đường gom qua đường sắt. Chiều cao tĩnh không vượt đường sắt là 6,0m. Đường hai đầu cầu là đường cấp III, vận tốc thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$.
- e) Dự án đầu tư xây dựng quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT (Giai đoạn 2)**
- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng
 - Chủ đầu tư: Liên danh Tổng công ty Thăng Long-CTCP - Tổng công ty XDCT Giao thông 4-CTCP
 - Thời gian khởi công: 3/2015
 - Thời gian hoàn thành: 12/2016
 - Giá trị dự án: 833 tỷ VNĐ
 - Quy mô Dự án: Điểm đầu Km69+762.35 (ngã ba Phan Chu Trinh giao đường Phạm Bạch Hổ) thuộc phường Hiến Nam, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Điểm cuối: Km82+300(nút giao Vực Vòng giữa QL38 với đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình) thuộc xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, Hà Nam. Tổng chiều dài tuyến: 12,42km (bao gồm cầu Yên Lệnh). Đối với đoạn tuyến mới quy mô 2 làn xe cơ giới, $B_n=12\text{m}$, $B_m=11\text{m}$, bao gồm 2 làn xe cơ giới và 2 làn xe thô sơ và lề đất. Mặt đường cấp cao A1, $E_{yc}\geq 160\text{Mpa}$, lớp mặt bê

tổng nhựa chặt, rải móng, lớp móng bằng cấp phối đá dăm

f) Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1A đoạn Km368+400(Nghi Sơn)-Km402+330 (Cầu Giát), tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An theo hình thức hợp đồng BOT

- Tên dự án : Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1A đoạn Km368+400(Nghi Sơn)-Km402+330 (Cầu Giát), tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An theo hình thức hợp đồng BOT.
- Chủ đầu tư: Liên danh Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4-CTCP - Tổng công ty 319
- Thời gian khởi công: 3/2013
- Thời gian hoàn thành: 12/2014
- Giá trị dự án: 3,627 tỷ VNĐ
- Quy mô Dự án: Toàn bộ tuyến dài khoảng 33,94km.

+ Đoạn qua Khu kinh tế Nghi Sơn có cấp đường là đường quốc lộ kết hợp đường phố chính đô thị, tốc độ thiết kế 80km/h. Chiều rộng Bn=24m, Bm=20m (đoạn thông thường). Phần cầu là cầu vĩnh cửu bằng BTCT, BTCTDUL, tải trọng thiết kế HL93.

+ Đoạn qua Thị trấn Hoàng Mai có cấp đường là đường phố đô thị, tốc độ thiết kế 80km/h. Chiều rộng Bn=28m, Bm=21m gồm 4 làn xe cơ giới, 2 làn xe thô sơ, giải phân cách và phần thoát nước dọc. Phần cầu là cầu vĩnh cửu BTCT, BTCTDUL

+ Đoạn qua Km383+115-Km387+800 và Km392+262.54-Km402+330 : theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, tốc độ thiết kế 80km/h. Chiều rộng Bn=20,5m, bao gồm 4 làn xe cơ giới, 2 làn xe thô sơ, lề đất, giải phân cách giữa và giải an toàn. Phần cầu là cầu vĩnh cửu BTCT, BTCTDUL.

g) Dự án đầu tư bổ sung hạng mục xây dựng nút giao khác mức giữa QL1(Km468+450) và đoạn nối QL8b cũ tỉnh Hà Tĩnh

- Chủ đầu tư: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4-CTCP
- Thời gian khởi công: 01/2015
- Thời gian hoàn thành: 05/2015
- Giá trị dự án: 156 tỷ VNĐ
- Quy mô Dự án: Điểm đầu Km468+175, Quốc lộ 1(cuối cầu Bến Thủy II) và điểm cuối

Km468+750, Quốc lộ 1. Chiều dài nghiên cứu: khoảng 0,58 km. Phần đường theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, bề rộng nền đường $B_n=16,5\text{m}$, bề rộng đường gom $B_n=2 \times 6,25\text{m}$. Phần cầu là thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, BTCTDUL, B cầu $=16,5\text{m}$, móng trụ bằng BTCT, sử dụng cọc BTCT và móng nông.

h) Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức tại điểm giao cắt giữa QL48 với QL1 và đường sắt Bắc Nam theo hình thức BOT.

- Chủ đầu tư: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4-CTCP-Tổng công ty 319
- Thời gian khởi công: 07/2014
- Thời gian hoàn thành: 06/2015
- Giá trị dự án: 348 tỷ VNĐ
- Quy mô Dự án: Điểm đầu (Km0+00) giao với QL48 tại Km3+400, thuộc địa phận xã Diên Đoàn, huyện Diên Châu; điểm cuối (Km4+25,29) giao với QL1 tại Km411+686, thuộc địa phận xã Diên Trường, Diên Châu. Tổng chiều dài tuyến chính và cầu vượt khoảng 4km. Phần đường tiêu chuẩn đường cấp III, vận tốc thiết kế 80km/h, mặt đường cấp cao A1. Phần cầu BTCT, BTCTDUL, Bcầu=12m, tải trọng thiết kế HL93.

i) Dự án xây dựng tuyến tránh TP Vinh - tỉnh Nghệ An theo hình thức BOT

- Địa điểm: TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Chủ đầu tư: Tổng công ty XDCT Giao thông 4
- Thời gian khởi công: 04/01/2003
- Thời gian hoàn thành: 20/05/2005
- Giá trị dự án: 362 tỷ VNĐ, tương đương 24 triệu USD
- Quy mô Dự án: Chiều dài tuyến đường 25,8m, mặt cắt ngang nền đường rộng 12m, mặt đường rộng 11m. Tuyến đường có 11 cầu, trong đó có 2 cầu lớn, 9 cầu nhỏ và trung
- Công nghệ thiết bị thi công:
 - Công nghệ xử lý nền đất yếu nền đường bằng bác thấm kết hợp gia tải và bộ phản áp
 - Cầu BTCT vĩnh cửu, dầm cầu bằng BTCT ứng suất trước, móng trụ bằng BTCT đổ tại chỗ.

6.5 Chi phí sản xuất

Song song với việc phát triển doanh thu, chi phí sản xuất của CIENCO4 đang ngày càng được quản lý tốt hơn. Mặc dù doanh thu tăng trưởng mạnh, tỷ trọng chi phí trong doanh thu lại

đang cho thấy xu thế giảm. Xét về tốc độ tăng trưởng, trong cơ cấu chi phí của CIENCO4 chỉ có duy nhất chi phí tài chính là có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng của doanh thu. Phần lớn sự gia tăng của chi phí tài chính là của chi phí lãi vay, vốn phát sinh trong quá trình huy động vốn cho các dự án lớn của Tổng công ty. Tỷ lệ chi phí trên doanh thu của CIENCO4 được thể hiện qua bảng:

Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần qua các năm

Giai đoạn trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2013		Năm 2014 (trước CPH)	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	4.095.495	94,23%	2.448.261	94,70%
2	Tài chính	120.392	2,77%	58.652	2,27%
3	Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%
4	Chi phí QLDN	178.313	4,10%	93.879	3,63%
Tổng		4.394.200	101,10%	2.600.792	100,60%

Nguồn: BCTC năm 2013, 2014 đã kiểm toán của CIENCO4

Giai đoạn sau cổ phần hóa

TT	Chi phí	Năm 2014 (sau CPH)		Quý I/2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	3.847.102	92,71%	1.020.128	90,69%
2	Tài chính	133.964	3,23%	75.578	6,72%
3	Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%
4	Chi phí QLDN	154.546	3,72%	37.995	3,38%
Tổng		4.135.612	99,66%	1.133.701	100,78%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4

Cơ cấu chi phí hợp nhất

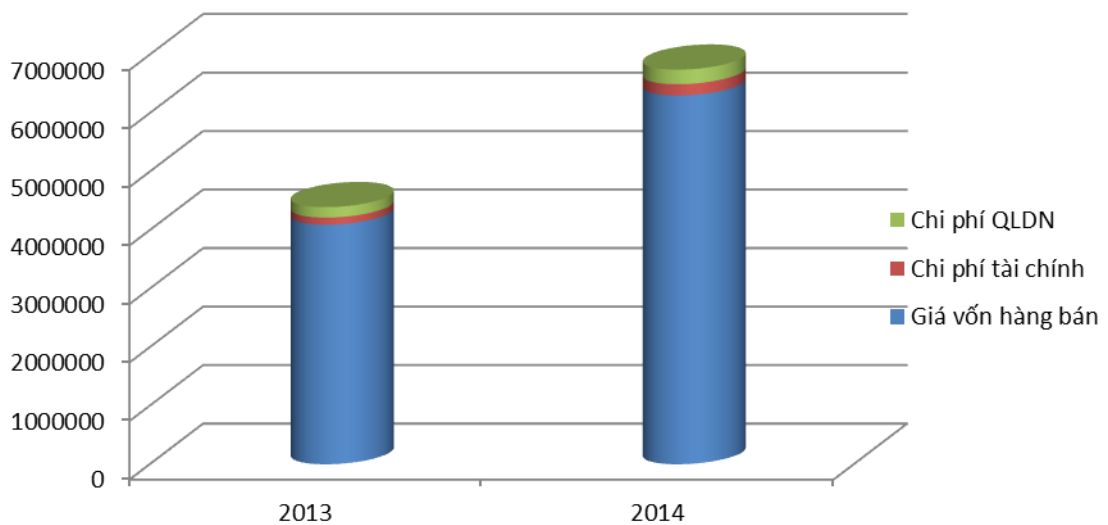
Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn	3.774.771	92,02%	1.020.676	90,52%
2	Tài chính	125.081	3,05%	75.578	6,70%
3	Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%
4	Chi phí QLDN	167.157	4,07%	40.249	3,57%
Tổng		4.067.009	99,14%	1.136.503	100,79%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

Nhìn chung, cơ cấu chi phí của doanh nghiệp được giữ ổn định. Mặc dù tỷ trọng đã giảm, giá vốn hàng bán vẫn chiếm từ 92% đến 94% doanh thu thuần năm. Đây là đặc trưng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng. Tỷ trọng giá vốn hàng bán lớn khiến cho một sự thay đổi nhỏ trong chỉ tiêu này cũng có thể mang lại một khoản lợi nhuận lớn cho Tổng công ty. Chi phí được cắt giảm khiến cho lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của CIENCO4 tăng mạnh lên gần 3,5 lần trong năm 2014.

Cơ cấu chi phí qua các năm



6.6 Trình độ công nghệ

Từ những yêu cầu về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, CIENCO4 đã tập trung đổi mới phương thức quản lý, nhanh chóng ứng dụng công nghệ và kỹ thuật xây dựng tiên tiến hiện đại. Hiệu quả của công tác đầu tư thiết bị công nghệ đã thúc đẩy tăng năng suất lao động của Tổng công ty; năng lực thi công được nâng lên với trình độ của khu vực, đảm bảo thi công đúng tiến độ, chất lượng, mỹ thuật các dự án có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, có giá trị lớn.

Ngoài ra, Tổng công ty cũng tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp, kết nối hệ thống mạng nội bộ để tăng cường công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh nhanh nhạy, đầu tư phần mềm thiết kế để đảm bảo thiết kế các dự án yêu cầu kỹ thuật cao, có áp dụng công nghệ mới; đầu tư đồng bộ các phần mềm quản lý như: Quản lý xe máy, quản lý nhân sự, kế toán, quản lý dự án,...

Tổng công ty hiện có các thiết bị, phương tiện thi công chính là:

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Đơn vị	Số lượng
1	Máy khoan cọc nhồi gầu xoay đường kính 1-2m, chiều sâu khoan 60-80m	G7 ²	Bộ	22
2	Máy khoan cọc nhồi cột buồm Bauer, đường kính 1-1,7m (khoan đá)	Đức	Bộ	1
3	Thiết bị khoan nhồi RCD tuần hoàn nghịch, đường kính 1,5-2m (khoan đá)	Việt Nam	Bộ	2
4	Thiết bị khoan đập cấp đường kính 1-1,5m	Trung Quốc	Bộ	13
5	Cần cẩu thủy lực bánh lốp, sức nâng 16-30T	G7	Máy	48
6	Cần cẩu thủy lực bánh xích, sức nâng 30-55T	G7	Máy	21
7	Cần cẩu thủy lực bánh xích, sức nâng 60-80T	G7	Máy	5
8	Máy bơm bê tông tĩnh 45-95m ³ /h	Đức	Máy	20
9	Xe bơm bê tông di động 160m ³ /h, cần 37m	Đức	Máy	1
10	Trạm trộn bê tông 45-90m ³ /h	Việt Nam	Trạm	29
11	Giá long môn đúc và lao dầm, sức nâng 80T	Việt Nam	Thiết bị	24
12	Xe chở dầm bê tông Super- T 80T	Hàn Quốc	Thiết bị	2
13	Cần cẩu tháp- Zoomlion (Trung Quốc), tải trọng 6T (tầm với 50m), chiều cao nâng: 110m.	Trung Quốc	Thiết bị	5
14	Xà lan, tải trọng 300T	Việt Nam	Cái	3
15	Xe đúc hẫng – khẩu độ 14,7m	Việt Nam	Bộ	11
16	Thiết bị đúc đẩy 21m	Việt Nam	Bộ	01
17	Máy ép cọc ván thép thủy lực 130T	Việt Nam	Máy	1
18	Máy ép cọc bê tông thủy lực 200T	Việt Nam	Máy	2
19	Máy đóng cọc cát tự hành	Nhật Bản	Máy	1
20	Trạm trộn bê tông nhựa công suất 80-120T/h	Hàn Quốc	Trạm	7
21	Máy rải bê tông nhựa 600-700T/h	Đức	Máy	8
22	Máy rải bê tông xi măng – SP 500	Đức	Máy	1
23	Xe ô tô chở trộn bê tông xi măng 7-9m ³	Hàn Quốc	Xe	49
24	Xe ô tô ben 13-15T	Hàn Quốc	Xe	45
25	Xe cầu bán tải 7-10T	Hàn Quốc	Xe	15
26	Xe tưới nước 9m ³	Trung Quốc	Xe	5
27	Đầu kéo + rơ moóc	Hàn Quốc	Xe	11

² Các máy móc này được sản xuất bởi 07 nước có công nghệ tiên tiến nhất thế giới. Bao gồm: Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Hoa Kỳ.

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Đơn vị	Số lượng
28	Lu rung 14/27T	G7	Máy	41
29	Lu tĩnh bánh sắt 8-10T	G7	Máy	40
30	Lu bánh bánh lốp	G7	Máy	13
31	Máy phát điện 45-250KVA	Nhật Bản	Máy	32
32	Máy san, lưỡi san 3,1-3,7m	G7	Máy	13
33	Máy ủi 110-170CV	G7	Máy	27
34	Máy nén khí 5-10m ³ /ph	Nhật Bản	Máy	31
35	Máy xúc đào bánh lốp gàu 0,4-0,6m ³	G7	Máy	17
36	Máy xúc đào bánh xích gàu 0,8-1m ³	G7	Máy	20
37	Máy xúc lật bánh lốp gàu 1,2-2,0m ³	G7	Máy	17
38	Xe ô tô con điều hành sản xuất	G7	Xe	55
39	Trạm Thu phí	Việt Nam	Trạm	02

Nguồn: CIENCO4

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Nhận biết được tầm quan trọng của chất lượng công trình với hình ảnh và uy tín của một doanh nghiệp, Tổng công ty luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước, Bộ GTVT về công tác quản lý đảm bảo chất lượng công trình. Tổng công ty xây dựng, ban hành hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, áp dụng được yêu cầu quản lý chất lượng của các dự án xây dựng Tổng công ty tham gia thi công.

Tổng công ty đã áp dụng cách thức kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm dịch vụ của Tổng công ty như sau:

- Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm tra chất lượng một cách kỹ lưỡng và chặt chẽ, các vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mới được đưa vào sử dụng cho công trình. Để kiểm soát chất lượng đầu vào, vật liệu phải được cung cấp bởi các đơn vị và các nhà sản xuất có uy tín, vật liệu sử dụng phải có đầy đủ chứng chỉ chất lượng theo quy định pháp luật.
- Cử cán bộ thường xuyên theo dõi giám sát công trình, có trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng. Hướng dẫn, phổ biến, giám sát các đơn vị chấp hành đúng quy trình, quy phạm hoặc quy định kỹ thuật đối với mỗi công trình đơn vị đảm nhiệm.
- Công tác quản lý chất lượng phải được báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty thông qua các hội nghị giao ban hoặc bằng văn bản nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

- Phối hợp với đơn vị thi công đề xuất những giải pháp kỹ thuật với Tư vấn hoặc Chủ đầu tư trong trường hợp thi công có những vấn đề liên quan đến chất lượng hoặc giải pháp thi công.

Công tác quản lý chất lượng của từng công trình phải được tập hợp và lưu trữ theo chế độ qui định của Nhà nước để phục vụ cho công tác lập hồ sơ hoàn công

6.8 Hoạt động Marketing

Tổng công ty hiện nay chưa có hoạt động Marketing một cách chuyên sâu mà chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường xây dựng công trình giao thông và nhận định sự phát triển của thị trường xây dựng công trình giao thông trong tương lai. Trong những năm tới, Tổng công ty sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá thương hiệu, phục vụ cho công tác đấu thầu của Tổng công ty được hiệu quả hơn. Với khẩu hiệu: “Thương hiệu là niềm tin, kỷ cương là sức mạnh”, Lãnh đạo Tổng công ty đã xác định thương hiệu doanh nghiệp là vấn đề hết sức quan trọng, ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc xây dựng thương hiệu của Tổng công ty thời gian tới tập trung ở các giải pháp:

- Triển khai đồng bộ với các giải pháp chủ yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu Tổng công ty. Áp dụng và vận hành hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008; Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm đảm bảo mỹ thuật, chất lượng, an toàn và hiệu quả.
- Xây dựng nếp sống văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV, Giáo dục cho CBCNV nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công việc xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Cienco4 ở mọi lúc, mọi nơi. Việc sử dụng logo, bảng hiệu, trang bị phòng hộ lao động trong toàn Tổng công ty phải được thực hiện thống nhất và đúng quy định làm nổi bật được thương hiệu CIENCO4.
- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội, đền ơn đáp nghĩa; tri ân người có công; ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt....

6.9 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu Tổng công ty:



6.10 Các hợp đồng lớn được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số công trình tiêu biểu của Tổng công ty thời gian qua:

Đơn vị giá trị: triệu đồng

Tên công trình	Địa điểm công trình	Giá trị hợp đồng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	
				Khởi công	Hoàn thành
Gói thầu số 3A: Xây dựng cầu Kỳ Lam - Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Nam đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Quảng Nam	1.416.238	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	5/2013	3/2016
Gói CWA2 lô 1: Xây dựng cầu Đồng Khê và đường dẫn	Hải Phòng	505.980	Ban quản lý phát triển cơ sở hạ tầng Hải Phòng	02/2014	01/2017
Dự án XD cơ sở hạ tầng cảng lạch Huyện - Gói thầu số 6: Thi công đoạn Km0+00 -:- Km15+630	Hải Phòng	10.182.652	Ban quản lý dự án 2	02/2014	02/2017
Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (Hợp phần JICA tài trợ) - Gói thầu số 4 (Km21+500 - Km32+600)	Đà Nẵng	2.066.000	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	4/2014	3/2017
Gói thầu số 1: Xây dựng hầm chui Thanh Xuân - Tiểu dự án xây dựng hầm chui QL6 nút giao Thanh Xuân thuộc Dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2 đoạn Mai Dịch - Bắc hồ Linh Đàm thuộc đường vành đai 3 thành phố Hà Nội	TP. Hà Nội	425.252	Ban Quản lý dự án Thăng Long	5/2014	10/2015
Gói thầu J2 (km24+503 đến	TP. Hồ Chí	2.751.232	Tổng công ty	7/2014	3/2017

km 29+264) cầu sông Chà và cầu Cạn - Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Nam đoạn Bến Lức - Long Thành	Minh		đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)		
Gói thầu số 6: “Thi công xây dựng công trình và lập thiết kế bản vẽ thi công” - Dự án: “Kéo dài và nâng cấp đường CHC, đường lãn và sân đỗ máy bay - Cảng Hàng không Pleiku”	Pleiku	606.430	Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam	9/2014	12/2015
Gói thầu số 1: Xây dựng hoàn chỉnh nút giao giữa dự án cầu Thanh Trì với QL5 thuộc Dự án đầu tư điều chỉnh nút giao giữa dự án cầu Thanh trì với QL5 - thành phố Hà Nội	Hà Nội	817.488	Ban Quản lý dự án Thăng Long	10/2014	4/2016
Gói thầu XL-04: Xây dựng cầu Sông Hốt thuộc dự án : Đường nối thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	697.451	Ban Quản lý dự án đường nối thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng	12/2014	11/2016
Gói thầu số 3 "Thi công xây dựng công trình " thuộc dự án : “Xây dựng sân đỗ máy bay - Cảng hàng không Thọ Xuân”	Thanh Hóa	124.723	Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam	12/2014	6/2015
Gói thầu số 4: Xây dựng Nút giao Trung Hòa hoàn chỉnh, Tiểu dự án Xây dựng Nút giao Trung Hòa hoàn chỉnh thuộc Dự án đầu tư xây dựng	Hà Nội	698.570	Ban Quản lý dự án Thăng Long	01/2015	7/2016

Giai đoạn 2 Đường vành đai III thành phố Hà Nội, đoạn Mai Dịch - Bắc Linh Đàm					
---	--	--	--	--	--

Nguồn: CIENCO4

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Đối với Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Công ty mẹ			Công ty hợp nhất	
	Năm 2013	Năm 2014 ³	Quý I/2015	Năm 2014 ⁴	Quý I/2015
Tổng tài sản	4.271.568	5.825.609	5.809.288	6.187.134	5.834.246
Vốn chủ sở hữu	383.889	669.015	690.104	687.704	697.105
Doanh thu thuần	4.346.183	6.734.989	1.124.897	4.102.223	1.127.585
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	16.543	75.211	-1.867	70.827	-2.511
Lợi nhuận khác	53.873	35.768	19.665	5.618	19.665
Tổng lợi nhuận trước thuế	70.417	110.979	17.798	88.080	17.153
Lợi nhuận sau thuế	57.570	92.952 (*)	13.023	73.152	12.352
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	45,18%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	-	7%	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

(*): Tại Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2014 của Tổng Công ty có ý kiến ngoại trừ của công ty kiểm toán như sau: “Đến thời điểm phát hành báo cáo này chúng tôi chưa nhận được các thông báo về việc phân chia lợi nhuận từ phía các công ty con, công ty liên kết hoạt động có lãi trong năm 2014. Vì vậy, chúng tôi không có đủ cơ sở để kiểm tra và xác định ảnh hưởng của các khoản đầu tư vào các công ty này đến Báo cáo tài chính riêng năm 2014 của Tổng Công ty”. Thực tế, tại thời điểm kiểm toán, kiểm toán viên đã thu thập được tất cả các BCTC của các công ty con, công ty liên kết. Do việc phân chia lợi nhuận phụ thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ, nên tại thời điểm ban hành Báo cáo kiểm toán (ngày 10/03/2015), Tổng Công ty chưa nhận được thông báo về việc phân chia lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên kết. Vì vậy, ý kiến ngoại trừ của công ty kiểm toán chỉ mang tính chất nhấn mạnh, không gây ảnh hưởng gì đến các chỉ tiêu trên BCTC riêng năm 2014 của Tổng Công ty. Vấn đề này cũng đã nhận được sự đồng ý và xác nhận của công ty kiểm toán (Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K)

³ % Tăng (giảm) của Tổng tài sản và VCSH được tính bằng số cuối năm/ số đầu năm.

% Tăng (giảm) của doanh thu và lợi nhuận được tính bằng việc tổng hợp 2 giai đoạn trước và sau CPH

⁴ Số liệu hợp nhất năm 2014 được tính cho giai đoạn từ 02/06/2014 đến 31/12/2014

Nếu tính cả giai đoạn trước cổ phần hóa vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của CIECO4, ta thấy rằng lợi nhuận của Tổng công ty có sự gia tăng đột biến trong năm. Tuy lợi nhuận khác của doanh nghiệp giảm mạnh từ 53 tỷ đồng năm 2013 xuống còn 35 tỷ đồng năm 2014 (giảm 34%), lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lại tăng lên hơn 4 lần, từ 16,5 đồng tỷ lên 75,2 tỷ đồng. Doanh thu tăng kéo theo lợi nhuận của doanh nghiệp cũng được cải thiện, lợi nhuận sau thuế (nếu tính cả giai đoạn trước cổ phần hóa) của CIENCO4 tăng 61,55%, từ 57,5 tỷ đồng năm 2013 lên 93 tỷ đồng năm 2014.

Cơ cấu lợi nhuận cho thấy gần như toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là đến từ lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là một dấu hiệu tốt cho thấy Tổng công ty đang có xu hướng tập trung hơn vào ngành nghề sản xuất chính và là thế mạnh của mình. Điều này khiến cho triển vọng phát triển trong dài hạn của CIENCO4 trở nên rất khả quan.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản và nguồn vốn của CIENCO4 đang khá lành mạnh. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của doanh nghiệp lần lượt được duy trì ở mức 55% và 45%. Như vậy toàn bộ tài sản dài hạn của doanh nghiệp đang được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn, còn tài sản ngắn hạn được tài trợ bởi nợ ngắn hạn. Cơ cấu vốn tạo ra sự cân bằng giữa tài sản ngắn hạn - vốn ngắn hạn và tài sản dài hạn - vốn dài hạn, qua đó giúp cho CIENCO4 vừa đảm bảo được tính thanh khoản trong ngắn hạn, vừa giữ được khả năng sinh lời trong dài hạn.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

Là một trong những Tổng công ty lớn của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty luôn được lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan tham mưu của Bộ thường xuyên quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo trong quá trình xây dựng và phát triển của Tổng công ty.

Tổng công ty đã xây dựng đồng bộ hệ thống chế độ, chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát huy được chất xám của đội ngũ tri thức trong Tổng công ty. Lực lượng cán bộ, kỹ sư của Tổng công ty có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm việc chuyên nghiệp và luôn nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác.

Tổng công ty hiện đang sở hữu các dây chuyền công nghệ thi công tiên tiến, đảm bảo thi công được các dự án lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: cầu dây văng, cầu đúc hẫng cân bằng, hầm đường bộ, cầu trên biển, đường cao tốc v.v; và đã có năng lực, kinh nghiệm trong đầu tư, quản lý, khai thác các dự án theo hình thức hợp đồng BOT, BOO.

❖ **Khó khăn:**

Trong những năm qua, nhà nước thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về kiểm soát phát triển một số công trình đơn vị trúng thầu nhưng không được bố trí vốn ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và việc làm của CBCNV và lãnh đạo toàn Tổng công ty.

Khó khăn chung của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, bên cạnh đó, lãi suất cho vay cao, điều kiện cho vay khó khăn hơn nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay của Tổng công ty bị hạn chế, ảnh hưởng tới nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công nợ phải thu gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công nợ phải thu ở các công trình xây dựng đang tồn đọng tại chủ đầu tư, quy trình thủ tục thu hồi công nợ kéo dài, thêm vào đó ảnh hưởng của trượt giá, lãi vay ngân hàng đã làm cho nhiều công trình có lãi chuyển sang lỗ.

Ngoài ra, Một số công trình giải phóng mặt bằng chậm cũng gây ảnh hưởng đến tiến độ vì vậy hiệu quả kinh tế thấp.

8. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Tổng công ty trong ngành

Sau hơn 50 năm phát triển, Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 được xếp là doanh nghiệp lớn thứ 13 trong lĩnh vực xây dựng, đồng thời giữ vị trí 221 trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam . Vị thế của một Tổng công ty lớn trong ngành của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 được thể hiện qua các yếu tố:

• **Hiệu quả hoạt động:**

Trong điều kiện kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn, tăng trưởng chậm, nhu cầu bị thu hẹp, nhiều doanh nghiệp có kết quả kinh doanh không tốt, chỉ số sinh lời toàn ngành ở mức thấp, kết quả kinh doanh mà CIENCO4 đạt được là rất khả quan trong tương quan so sánh chung.

• **Uy tín:**

CIENCO4 là thương hiệu có bề dày tên tuổi, đạt được tín nhiệm của đông đảo khách hàng. Đối tác của CIENCO4 là những khách hàng có yêu cầu khắt khe về chất lượng kỹ thuật, tốc độ thi công, mức độ an toàn như Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông Vận tải Nghệ An, Sở Giao thông Vận tải Đà Nẵng, UBND thành phố Phủ Lý, PMU Thăng Long, Ban Quản lý đường Hồ Chí Minh, Ban Quản lý dự án An toàn Giao thông ...

Uy tín và thương hiệu đã đem lại cho CIENCO4 ưu thế trong công tác đấu thầu các công trình xây dựng lớn. Các dự án mà CIENCO4 đã và đang thực hiện triển khai không chỉ ở khu vực miền Trung mà bao gồm cả các dự án ở miền Bắc (dự án xây dựng đường trên cao Hà Nội, cầu Nhật Tân, đường cao tốc Nội Bài – Nhật Tân, Cầu Giẽ - Ninh Bình, ...) hay miền Nam (dự án Long Thành – Dầu Giây), Đà Nẵng (cầu Nguyễn Tri Phương),...

- **Năng lực công nghệ:**

CIENCO4 là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực công nghệ. Tổng công ty sở hữu và áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến về xây dựng như công nghệ đúc đẩy, công nghệ thi công cầu dây văng, công nghệ đà giáo đẩy, công nghệ khoan cọc nhồi, công nghệ thi công mặt đường bê tông Asphalt theo tiêu chuẩn Ashto. Bên cạnh những công nghệ tiên tiến, CIENCO4 còn liên tục mua mới và sử dụng những thiết bị thi công tiêu chuẩn quốc tế như thiết bị thi công nhồi cột buồm gầu xoay (Đức), xe bơm bê tông Pultmeizster (Đức), cần cẩu bánh xích Hitachi KH300- 3 (Nhật Bản),....

- **Về thành tích:**

Nhờ những đóng góp của mình qua việc xây dựng thành công những công trình giao thông trọng điểm, CIENCO4 đã được Nhà nước phong tặng những danh hiệu cao quý như Danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương lao động Hạng Nhì, Huân chương lao động Hạng Ba, Huân chương lao động Hạng Nhất,....

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 03/3/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 35/QĐ/QĐ-TTg về chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó định hướng phát triển giao thông vận tải trong nước được xác định như sau:

Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, hợp lý; kết hợp phát triển từng bước vững chắc với những bước đột phá đi thẳng vào hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn trên phạm vi toàn quốc, đồng thời coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.

Kết hợp đầu tư mới với cải tạo, nâng cấp, đầu tư theo chiều sâu phát huy hiệu quả của các cơ sở công nghiệp với giao thông vận tải hiện có.

Phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông

vận tải trong nước để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế;

Phát triển mạnh giao thông vận tải địa phương, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn, gắn kết được mạng giao thông vận tải địa phương với mạng giao thông vận tải quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt và chi phí vận tải hợp lý, phù hợp với đa số người dân.

Xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Huy động tối đa mọi nguồn lực, coi trọng nguồn lực trong nước để đầu tư phát triển giao thông vận tải.

Để thực hiện các định hướng trên, Chính phủ cũng đưa ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ thực hiện, tiêu biểu trong đó là:

- Tăng mức đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông bằng ngân sách nhà nước hàng năm đạt 3,5-4,5%GDP
- Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức vào xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông...
- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp giao thông vận tải mở rộng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để huy động vốn, chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm quản lý....
- Thành lập các công ty thuê mua tài chính có sự bảo lãnh của Nhà nước để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nguồn tài chính, công nghệ, phương tiện kỹ thuật mới.

Quan điểm của Chính phủ coi giao thông vận tải là bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước đã mở ra triển vọng phát triển trong tương lai của ngành, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành có nhiều cơ hội kinh doanh, tiếp cận với vốn, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý mới.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện bằng việc Tổng công ty quyết tâm chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay

với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Tổng công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho CBCNV, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động

Số lượng người lao động trong Tổng công ty thời điểm 01.05.2015 là: 1.811 người

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ đại học và trên đại học	654	36,11
2. Trình độ cao đẳng và trung cấp	140	7,73
3. Công nhân kỹ thuật	714	39,43
4. Sơ cấp và lao động khác	303	16,73
Tổng cộng	1.811	100,00

Nguồn: CIENCO4

9.2 Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Tổng công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Tổng công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...

Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo mới, đào tạo lại, tổ chức tuyển dụng theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết hợp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp với đào tạo trình độ chính trị, ngoại ngữ, tin học.... Đến năm 2015 có 100% cán bộ quản lý của các đơn vị thành viên và phòng ban Tổng công ty được đào tạo quản trị doanh nghiệp, pháp luật, tin học đáp ứng được yêu cầu công tác;

Định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và tiếp thu công nghệ mới, trong đó chú trọng đến công tác học tập, nâng cao trình độ cho cán bộ, kỹ sư và công nhân kỹ thuật;

Thực hiện chính sách ưu tiên bổ nhiệm, sử dụng, đãi ngộ cán bộ giỏi, có năng lực để duy trì và phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút nhân lực từ bên ngoài;

Chính sách lương và thưởng

Tổng công ty luôn coi tiền lương là đòn bẩy đảm bảo sản xuất phát triển, để duy trì đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật với ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm tốt; đảm bảo phân phối tiền lương công bằng thỏa mãn với sự cống hiến của người lao động.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Cienco4 gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ, gồm các chế độ cơ bản như sau:

- Mỗi năm, nhân viên được thưởng tối thiểu 01 tháng lương, ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Tổng công ty.

Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, Tổng công ty đưa ra chính sách tính lương theo hai loại đó là lương cơ bản để đóng bảo hiểm, lương năng suất để đánh giá mức độ và hiệu quả công việc của các cá nhân; ngoài ra hàng tháng công ty còn thực hiện xét hệ số hoàn thành công việc để đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong tháng của từng cá nhân. Bên cạnh đó, Tổng công ty thực hiện xét thưởng đột xuất cho các cán bộ, tập thể nhân viên có

đóng góp đặc biệt cho sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Tổng công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

c) Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

Tất cả nhân viên chính thức của CIENCO4 đều được hưởng các phụ cấp và bảo hiểm xã hội phù hợp với Luật Lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Tổng công ty còn nhận được phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn... Đồng thời, Tổng công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CBCNV bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau – nằm viện, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế... Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn Tổng công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoại khóa như các giải thể thao, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, tổ chức từ thiện giúp đỡ người nghèo...

10. Chính sách cổ tức

Điều lệ của Tổng công ty có quy định: HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Tổng công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Tổng công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Tuy mới hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần chưa được 12 tháng, nhưng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 diễn ra ngày 29/03/2015, đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông với mức chia là 7%, Tổng công ty dự kiến sẽ chia cổ tức cho cổ đông vào Quý 2/2015.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tổng công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Cơ cấu vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Công ty mẹ			Công ty hợp nhất	
		31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015	31/12/2014	31/03/2015
1	Vốn góp của chủ sở hữu	223,842	600,000	600,000	600.000	600.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	17,845	17,845	19.889	17.845
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	49,892	-	-	-	-
4	Quỹ đầu tư phát triển	69,285	-	-	2.346	-
5	Quỹ dự phòng tài chính	22,189	-	-	-	-
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	243	-	-	954	-
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	51,170	72,258	64.514	79.259
8	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	18,438	-	-	-	-
9	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	21.801	-
	Tổng cộng	383,889	669,015	690,104	709.505	697.104

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Từ khi chuyển đổi sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 600 tỷ và Tổng công ty chưa thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn nào. Vốn điều lệ của Tổng Công ty được sử dụng nhằm hiệu quả nhằm đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty thông qua việc đầu tư máy móc, thiết bị và bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty.

Hiện nay, nhu cầu vốn kinh doanh của Tổng công ty đang rất lớn do Tổng công ty trúng thầu nhiều dự án có quy mô, đòi hỏi nguồn vốn thực hiện cao, do đó để đảm bảo được nguồn vốn kinh doanh hiệu quả, ngoài hình thức vay từ các nguồn vốn khác, Tổng Công ty dự kiến huy động vốn từ các cổ đông thêm 400 tỷ thông qua hình thức phát hành cho cổ

đồng hiện hữu.

b) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định của Tổng công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013-TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Tổng công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 06-25 năm
- Máy móc, thiết bị: 05-07 năm
- Phương tiện vận tải: 06-07 năm
- Thiết bị văn phòng: 03-06 năm
- Các tài sản khác: 03-05 năm

c) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2014 là 10.500.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2014, Tổng công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên theo quy định của Nhà nước.

f) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Cho đến 31/12/2014, do đây là năm đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Tổng công ty không tiến hành phân chia lợi nhuận để trích lập các quỹ.

g) Tổng dư nợ vay

Tính đến thời điểm 31/03/2015, tổng dư nợ vay ngắn hạn của Tổng công ty như sau

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Công ty hợp nhất	
		31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015	31/12/2014	31/03/2015
1	Vay và nợ ngắn hạn	961.922	1.228.148	1.038.671	1.349.859	1.038.671
a	Vay Ngân hàng	961.922	1.207.688	1.028.686	1.329.799	1.028.686
b	Vay khác	-	20.460	9.985	20.460	9.985
2	Vay và nợ dài hạn	1.164.609	1.793.255	1.794.047	1.802.290	1.794.572
a	Vay Ngân hàng	1.162.861	1.764.953	1.762.372	1.773.988	1.762.897
b	Vay khác	1.748	9.075	12.448	9.075	12.448
c	Nợ thuê tài chính	-	19.227	19.227	19.227	19.227

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

h) Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Công ty hợp nhất	
		31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015	31/12/2014	31/03/2015
1	Phải thu từ khách hàng	540.101	860.327	801.601	831.088	796.138
2	Trả trước cho người bán	230.416	510.071	680.191	522.958	680.993
3	Phải thu khác	483.009	527.829	540.850	484.894	512.159
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-168	-	-1.516	-
	Tổng cộng	1.253.526	1.898.059	2.022.642	1.837.425	1.989.290

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Công ty hợp nhất	
		31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015	31/12/2014	31/03/2015
	Nợ ngắn hạn	2.321.424	3.081.665	2.960.074	3.390.058	2.973.820
1	Vay và nợ ngắn hạn	961.922	1.228.148	1.038.671	1.353.430	1.038.671

2	Phải trả cho người bán	514.045	993.192	879.453	1.095.784	894.184
3	Người mua trả tiền trước	540.066	630.929	709.758	692.982	709.795
4	Các khoản thuế phải nộp	49.688	19.704	12.643	22.894	12.680
5	Phải trả công nhân viên	64.559	54.636	29.117	61.255	31.900
6	Chi phí phải trả	33.274	81.419	221.770	82.122	221.770
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.352	28.733	20.832	28.733	20.832
8	Phải trả khác	112.444	44.904	47.830	52.857	43.989
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	32.074	-	-	-	-
	Nợ dài hạn	1.566.254	2.074.929	2.159.110	2.087.571	2.163.321
1	Vay và nợ dài hạn	1.164.609	1.793.255	1.794.047	1.802.290	1.794.572
2	Phải trả dài hạn người bán	388.444	254.592	347.802	254.592	-
3	Người mua trả tiền trước	-	-	-	-	347.802
4	Phải trả dài hạn khác	46	16	297	981	3.983
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	2.461	-
6	Dự phòng phải trả dài hạn	13.067	27.066	16.964	27.247	16.964
7	Doanh thu chưa thực hiện	87	-	-	-	-
	Tổng cộng	3.887.678	5.156.594	5.119.184	5.477.629	4.789.339

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC Quý I/2015 của CIENCO4

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I/2015 của CIENCO4

Đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty không có các khoản nợ quá hạn.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ			Công ty hợp nhất	
		Năm 2013	Năm 2014 ⁵	Quý I 2015	Năm 2014	Quý I 2015
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>						
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,01	1,00	1,04	1,00	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,82	0,83	0,74	0,82

⁵ Số liệu năm 2014 là số liệu tổng hợp 2 giai đoạn trước và sau cổ phần hóa

<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u>						
Nợ/Tổng tài sản	%	91,01	88,52	88,12	88,53	88,05
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,012,71	770,77	741,80	796,51	736,93
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>						
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	12,05	12,75	1,73	8,75	1,36
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,33	1,34	0,19	1,33	0,19
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>						
Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	1,32	1,38	1,16	1,78	1,10
Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	15,00	13,90	1,89	10,40	1,77
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,35	1,60	0,22	1,18	0,21
Lợi nhuận SXKD/DTT	%	0,38	1,12	-0,17	1,73	-0,22
EPS ⁶	Đồng			1.550,10		

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC Quý I /2015 của CIENCO4

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, BCTC hợp nhất Quý I /2015 của CIENCO4

Lưu ý: BCTC hợp nhất 2014 được tính cho giai đoạn từ 02/06/2014 đến 31/12/2014

Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn) là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Tổng công ty. Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn của CIENCO4 được giữ ổn định ở mức 1,00 qua các năm. Hệ số này cho thấy sự đảm bảo về khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Không chỉ có hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số khả năng thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) của Tổng công ty năm cũng được giữ ổn định qua các năm. Điều này phản ánh tính an toàn trong cơ cấu vốn và tài sản của CIENCO4 và được xem là một lợi thế của doanh nghiệp để có thể tiếp cận dễ dàng hơn nguồn vốn từ chủ nợ.

Về cơ cấu vốn: Cơ cấu vốn của CIENCO4 cho thấy sự chênh lệch khá lớn giữa nợ và vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ nợ/tổng tài sản của doanh nghiệp luôn ở mức rất cao, năm 2013 là 91%, năm 2014 là 88% và Quý I/2015 là 88% đối với công ty mẹ và công ty hợp nhất. Tỷ lệ nợ/tổng tài sản quá cao có thể sẽ tạo áp lực lên khả năng sinh lời trong trường hợp ROA không thể vượt quá được chi phí lãi vay bình quân. Tuy nhiên, đi vào phân tích sâu hơn, ta thấy rằng chi phí lãi vay của CIENCO4 là khá thấp nếu so với tổng số nợ. Chi phí lãi vay hai năm 2013,2014 lần lượt là 93 tỷ

⁶ CIENCO4 bắt đầu trở thành công ty cổ phần kể từ năm 2014 nên năm 2013 không có EPS

đồng và 168 tỷ đồng. Như vậy hệ số chi phí lãi vay bình quân/nợ dài hạn của doanh nghiệp khá thấp, chỉ vào khoảng 5,96% năm 2013 và 8,12% năm 2014. Với lãi suất đi vay thấp, CIENCO4 hoàn toàn có thể trả được lãi vay và từ đó đảm bảo tính hiệu quả của đòn bẩy tài chính. Bên cạnh đó, cũng cần nhấn mạnh rằng CIENCO4 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án của doanh nghiệp chủ yếu là các dự án của nhà nước hoặc dự án theo hình thức BOT có nguồn vốn lớn. Chính vì vậy những khoản vay của CIENCO4 thường nhận được sự hỗ trợ cao về mặt chính sách cũng như đảm bảo về khả năng thanh toán.

Về năng lực hoạt động: Vòng quay các hàng tồn kho của CIENCO4 là khá cao, trung bình một đơn vị hàng tồn kho của doanh nghiệp chỉ được lưu kho tối đa là 31 ngày vào năm 2013. Con số này thậm chí giảm xuống còn 29 ngày vào năm 2014. Đối với Quý I/2015, vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp giảm nhẹ xuống còn 1,73 đối với công ty mẹ và 1,36 đối với công ty hợp nhất (nếu tính theo bình quân năm với giả định Tổng Công ty duy trì được sự ổn định trong hoạt động như hiện nay, con số này có thể là 6,92 và 5,44). Đối với ngành xây dựng vốn có đặc thù các công trình xây dựng rất lớn, nhiều hạng mục, quá trình nghiệm thu, thanh quyết toán kéo dài, hệ số vòng quay hàng tồn kho của CIENCO4 đang ở mức tốt khi so sánh với những doanh nghiệp khác.

Về khả năng sinh lời: Nhìn chung, khả năng sinh lời của Tổng công ty tương đối tốt. Tuy hệ số ROA khá thấp ở mức 1,35% năm 2013 và 1,60% năm 2014, hệ số ROE của CIENCO4 lại khá cao (15,00% năm 2013 và 13,90% năm 2014) đối với công ty mẹ. Đây chính là một trong những tác dụng nổi bật nhất của đòn bẩy tài chính. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, việc lạm dụng đòn bẩy tài chính có thể đẩy doanh nghiệp vào tình cảnh vô cùng khó khăn nếu tình hình kinh doanh diễn ra không được thuận lợi. Hơn thế nữa, một công ty với tỷ trọng nợ trong tổng tài sản quá cao sẽ tạo ra tâm lý dè chừng cho các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư vào chứng khoán nợ. Điều đó cản trở khả năng tiếp cận nguồn vốn và lúc này đòn bẩy tài chính đang quay trở lại làm hại chính doanh nghiệp.

Các hệ số về khả năng sinh lời của CIENCO4 có xu hướng giảm nhẹ trong Quý I/2015, với hệ số ROE đạt 1,89 đối với công ty mẹ và 1,77 đối với công ty hợp nhất. Cùng với đó, ROA cũng giảm còn 0,22 và 0,21 tương ứng. Điều này được giải thích bởi chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp, với các dự án thường được quyết toán và ghi nhận doanh thu vào cuối năm.

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần qua các năm được duy trì ở mức ổn định cho thấy khả năng quản lý chi phí của CIENCO4. Hơn thế nữa, tỷ lệ lợi nhuận từ Hoạt động kinh

doanh/Doanh thu thuần lại đang cho thấy xu hướng tăng – một dấu hiệu tích cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Nhìn chung, với tình hình kinh tế còn chưa phục hồi sau khủng hoảng, việc doanh nghiệp vẫn duy trì được đà tăng trưởng là một tín hiệu tốt đem lại niềm tin cho nhà đầu tư.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Vinh	16/9/1959	182201760	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Tuấn Lộc	10/10/1980	281004998	Phó chủ tịch HĐQT
3	Trương Thị Tâm	10/06/1973	182316901	Phó chủ tịch HĐQT
4	Nguyễn Tuấn Huỳnh	13/11/1976	182130270	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
5	Ngô Trọng Nghĩa	30/9/1967	181354477	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
6	Hoàng Văn Đào	15/4/1965	186890093	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
7	Nguyễn Vĩnh Lộc	30/8/1957	182201764	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Ông Nguyễn Quang Vinh - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Nguyễn Quang Vinh**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 16 - 09 – 1959
Nơi sinh : Xã Kim Liên, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An
Số CMND : 182201760
Ngày cấp : 29/3/2001
Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 7, Nhà vườn 1, Khu đô thị mới Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư xe máy – Trường ĐH Kỹ thuật quân sự

Quá trình công tác:

10/1981 - 11/1989	Công tác tại Quân khu 4
12/1989 - 2/2001	Công tác tại Công ty Đường bộ 471
03/2001 - 02/2004	Công tác tại Công ty Công trình giao thông 482
03/2004 - 02/2009	Công tác tại Công ty cổ phần 471
03/2009 – Nay	Công tác tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 01/05/2015) : 103.400 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 103.400 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành : Không

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị khác: (tại thời điểm 01/05/2015) : Không

b. Ông Trần Tuấn Lộc – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Trần Tuấn Lộc**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/10/1980

Nơi sinh : Xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

Số CMND : 281004998

Ngày cấp : 19/02/2007

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số nhà 35, đường số 9, Trần Trọng Cung, khu Nam Phú, P.Tân Thuận Đông, Tp.Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư cầu đường

Quá trình công tác:

2008 – Nay : Công ty CP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4- CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc

Tổng số cổ phần nắm giữ : 30.900.000 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 30.900.000 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ : Không
cổ phiếu của tổ chức phát hành

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị :
khác:

- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng
Tuấn Lộc 96.000.000CP (tương đương 60% VDL)

c. Bà Trương Thị Tâm – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Trương Thị Tâm**
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 10 - 06 – 1973
Nơi sinh : Xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Số CMND : 182316901
Ngày cấp : 11/4/2009
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 173 Đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

10/1991 - 7/1994 Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ 474
8/1994 - 12/2005 Công ty Công trình giao thông 482
01/2006 – Nay Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không
Tổng số cổ phần nắm giữ : 4.839.859 cổ phần
- Đại diện sở hữu : 4.829.159 CP

- Cá nhân sở hữu : 10.700 CP
- Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không
- Những người có liên quan nắm giữ
cổ phiếu của tổ chức phát hành
- Chồng: Lê Ngọc Hoa (Số CMND: : Nắm giữ 105.300 cổ phần
181476294)
- Lợi ích liên quan đối với TCT : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không
- Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị
khác: (tại thời điểm 01/05/2015)
- Công ty cổ phần 482 : 7.178 CP (tương đương 0,24% VDL)

d. Ông Nguyễn Tuấn Huỳnh – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Họ và tên : **Nguyễn Tuấn Huỳnh**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13 - 11 – 1976
- Nơi sinh : Xã Văn Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An
- Số CMND : 182130270
- Ngày cấp : 26/10/2004
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 19, Ngõ 1043, đường Giải Phóng, Phường Thịnh
Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: : - Thạc sỹ Kinh tế xây dựng – Trường ĐH Giao thông
vận tải
- Kỹ sư Xây dựng cầu hầm – Trường ĐH Giao thông
vận tải

Quá trình công tác:

10/2000- 9/2001	Công ty cầu 7 Thăng Long
10/2001- 3/2004	Viện Khoa học công nghệ Giao thông vận tải
4/2004 - 3/2005	Trung tâm Tư vấn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng GTVT
4/2005 - 03/2013	Công ty CP Xây dựng công trình 482
4/2013 – Nay	Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ : 75.000 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 75.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ : Không
cổ phiếu của tổ chức phát hành

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị khác: (tại thời điểm 01/05/2015)

- | | |
|------------------|----------------------------------|
| - Công ty CP 479 | : 20.000 CP (tương đương 0,33%) |
| - Công ty CP 482 | : 37.100 CP (tương đương 1,24%) |
| - Công ty CP 492 | : 200.000 CP (tương đương 3,76%) |

e. Ông Ngô Trọng Nghĩa – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Ngô Trọng Nghĩa**

Giới tính : **Nam**

Ngày tháng năm sinh : **30 - 09 – 1967**

Nơi sinh : **Xã Xuân Hội, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh**

Số CMND : **181354477**

Ngày cấp : **20/6/2012**

Quốc tịch : **Việt Nam**

Địa chỉ thường trú : **Toà nhà Long Giang, Đường Xuân Thủy, Hà Nội**

Trình độ chuyên môn : **-Kỹ sư cơ khí - Trường ĐH Giao thông vận tải.
-Cử nhân kinh tế - Trường ĐH Mở Hà Nội**

Quá trình công tác

10/1990 - 4/1995 : **Công ty Công trình giao thông 473**

5/1995 - 8/2005 : **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4**

9/2005 - 4/2007 : **Công ty cổ phần Cơ khí và XD công trình 465**

5/2007 - 11/2009 : **Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492**

12/2009 – Nay : **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP**

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : **Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4- CTCP**

- Chức vụ tại tổ chức khác : **Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh;
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 2TV BOT QL1A 319-Cienco4**

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời : **77.700 cổ phần**

điểm 01/05/2015)

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 77.700 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ
cổ phiếu của tổ chức phát hành

-Vợ: Nguyễn Thị Thanh Tâm (Số : Nắm giữ 5.200 cổ phần
CMND: 181906319)

-Em trai: Ngô Trọng Thắng (Số : Nắm giữ 5.300 cổ phần
CMND: 184008454)

-Em trai: Ngô Trọng Hà (Số CMND: : Nắm giữ 7.000 cổ phần
187338027)

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị
khác: (tại thời điểm 01/05/2015)

- Công ty CP 482 : 1.000 CP(tương đương 0,033%)

f. Ông Hoàng Văn Đào – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Hoàng Văn Đào**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15 - 04 – 1965

Nơi sinh : Xã Diễn Thọ, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

Số CMND : 186890093

Ngày cấp : 08/10/2005

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Đông Vĩnh, TP. Vinh, Nghệ An

Trình độ chuyên môn: : -Thạc sỹ Kinh tế xây dựng – Trường ĐH Giao thông vận tải.
-Kỹ sư Công trình thủy - Trường ĐH Hàng Hải.

Quá trình công tác:

10/1990 - 6/1995 Công ty Công trình giao thông 479

7/1995 - 5/2006 Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4.

4/2006 – 12/2007 Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 492

01/2008 – Nay Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Cơ quan, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới

Tổng số cổ phần nắm giữ : 83.300 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 83.300 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành

-Vợ: Trần Thị Nga (Số CMND: : Nắm giữ 7.000 cổ phần 181764869)

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị
khác: (tại thời điểm 01/05/2015)

- Công ty CP 482 : 1.000 CP(tương đương 0,033%)

g. Ông Nguyễn Vĩnh Lộc – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên : **Nguyễn Vĩnh Lộc**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 30 - 8 – 1957

Nơi sinh : Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An

Số CMND : 182201764

Ngày cấp : 10/05/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

Trình độ chuyên môn: : - Kỹ sư cầu đường – Trường ĐH Xây dựng
- Cử nhân kinh tế - Học viện Tài chính

Quá trình công tác:

5/1981 - 1/2005 : Công ty đường bộ 471

1/2005 – Nay : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ : 216.200 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 216.200 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành : Không

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán đang nắm giữ tại các đơn vị khác (tại thời điểm 01/05/2015) : APS : 52.000 CP (0,133%) ; SCR : 10.000 CP (0,005%); SHB : 115.050 CP (0,013%) ;B82 : 63.000 CP (2,1%) ;VND : 71.750 CP(0,045%) ; FPT : 23.000 CP (0,006%); BT6 : 44.950 CP (0,14%) ; HVG : 5.000 CP(0,0026%); KLS:12.000CP(0,006%); C92 : 261.416 CP (4,92%); VIS :10.000 CP (0,02%); ITA : 43.000 CP (0,005%); PDC: 43.900 CP(0,29%); REE: 10.000 CP (0,0037%); SAM : 30.000 CP (0,022%).

12.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Lương Thị Thanh Bình	30/08/1964	181871719	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Bình	17/07/1982	182549644	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Thị Quỳnh Hoa	02/07/1981	030181000020	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Bà Lương Thị Thanh Bình – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên : **Lương Thị Thanh Bình**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 30 / 08 / 1964

Nơi sinh : xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Số CMND : 181871719

Ngày cấp : 27/ 07 / 2007

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : P126+226 tòa CT4, Khu đô thị Mỹ Đình- Sông Đà,
đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : -Thạc sỹ kinh tế - Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
-Cử nhân kinh tế - Học viện Tài chính

Quá trình công tác:

01/1986 - 01/1992 : Công ty Công trình giao thông 479

02/1992 - 07/1997 : Tổng công ty XDCT giao thông 4

08/1997 - 07/2011 : Ban Quản lý dự án 85 - Bộ Giao thông vận tải

08/2011 - 02/2013 : Kiểm toán Nhà nước

03/2013 - Nay : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-
CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty,
Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty Xây dựng công
trình giao thông 4- CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời : 35.700 cổ phần
điểm 01/05/2015)

- Đại diện sở hữu 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu 35.700 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ : Không
cổ phiếu của tổ chức phát hành

Những khoản nợ đối với TCT : Không
Lợi ích liên quan đối với TCT : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không
Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị : Không
khác (tại thời điểm 01/05/2015)

b. Bà Nguyễn Thị Bình – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Nguyễn Thị Bình**
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 17/07/1982
Nơi sinh : Xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Số CMND : 182549644
Ngày cấp : 11/02/2008
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số nhà 11 đường 19, KDC Khang Điền, đường Dương
Đình Hội, P.Phước Long B, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
2005 – Nay : Công ty CP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc
Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban kiểm soát - Tổng công ty Xây dựng
công trình giao thông 4- CTCP
- Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc - Công ty CP Đầu tư xây dựng
Tuấn Lộc
Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ : Không
cổ phiếu của tổ chức phát hành

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị
khác: (tại thời điểm 01/05/2015)

Công ty CP Đầu tư Xây dựng : 16.000.000CP (Tương đương 10%)
Tuần Lộc

c. Bà Phạm Thị Quỳnh Hoa – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Phạm Thị Quỳnh Hoa**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 02/07/1981

Nơi sinh : Hải Dương

Số CMND : 030181000020

Ngày cấp : 19/03/2013

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 127 Hồng Hà, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : -Cử nhân Ngoại ngữ - Trường ĐH Ngoại ngữ
-Cử nhân Tài chính- Ngân hàng – Học viện Ngân hàng

Quá trình công tác:

08/2002 - 4/2004 : Ngân hàng TMCP Quốc Tế

5/2004 - 2/2007 : Ngân hàng Liên doanh Việt Thái

3/2007 - Nay : Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban kiểm soát - Tổng công ty Xây dựng
công trình giao thông 4-CTCP.

- Chức vụ tại tổ chức khác : Phó giám đốc chi nhánh SHB Hà Nội
Tổng số cổ phần nắm giữ : 6.000.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu 6.000.000 cổ phần
- Cá nhân sở hữu 0 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không
Những người có liên quan nắm giữ : Không
cổ phiếu của tổ chức phát hành
Những khoản nợ đối với TCT : Không
Lợi ích liên quan đối với TCT : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không
Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị : Không
khác: (tại thời điểm 01/05/2015)

12.3 Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Tuấn Huỳnh	13/11/1976	182130270	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Ngô Trọng Nghĩa	30/9/1967	181354477	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Hoàng Văn Đào	15/4/1965	186890093	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4	Nguyễn Vĩnh Lộc	30/8/1957	182201764	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng
5	Trần Văn Chín	04/09/1959	131543812	Phó Tổng giám đốc
6	Nguyễn Anh Dũng	02/12/1979	182291195	Phó Tổng giám đốc
7	Đàm Xuân Toàn	18/09/1976	182023963	Phó Tổng giám đốc

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

a. Ông Nguyễn Tuấn Huỳnh – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Tuấn Huỳnh
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 13 - 11 – 1976

Nơi sinh : Xã Văn Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An

Số CMND : 182130270

Ngày cấp : 26/10/2004

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 19, Ngõ 1043, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : -Thạc sỹ Kinh tế xây dựng – Trường ĐH Giao thông vận tải
-Kỹ sư Xây dựng cầu hầm – Trường ĐH Giao thông vận tải

Quá trình công tác:

10/2000- 9/2001 : Công ty cầu 7 Thăng Long

10/2001- 3/2004 : Viện Khoa học công nghệ Giao thông vận tải

4/2004 - 3/2005 : Trung tâm Tư vấn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng GTVT

4/2005 - 03/2013 : Công ty CP Xây dựng công trình 482

4/2013 - Nay : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 01/05/2015) : 75.000 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 75.000 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành : Không

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị khác: (tại thời điểm 01/05/2015)

- Công ty CP 479 : 20.000 CP (tương đương 0,33%)

- Công ty CP 482 37.100 CP (tương đương 1,24%)
- Công ty CP 492 : 200.000 CP (tương đương 3,76%)

b. Ông Ngô Trọng Nghĩa – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Ngô Trọng Nghĩa**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 30 - 09 – 1967
Nơi sinh : Xã Xuân Hội, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh
Số CMND : 181354477
Ngày cấp : 20/6/2012
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Toà nhà Long Giang, Đường Xuân Thủy, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: : -Kỹ sư cơ khí - Trường ĐH Giao thông vận tải.
-Cử nhân kinh tế - Trường ĐH Mở Hà Nội

Quá trình công tác:

10/1990 - 4/1995	Công ty Công trình giao thông 473
5/1995 - 8/2005	Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4
9/2005 - 4/2007	Công ty cổ phần Cơ khí và XD công trình 465
5/2007 - 11/2009	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492
12/2009 – Nay	Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4- CTCP
- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 2TV BOT QL1A 319-Cienco4

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 01/05/2015) : 77.700 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu : 77.700 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành

- Vợ: Nguyễn Thị Thanh Tâm (Số : Nắm giữ 5.200 cổ phần

CMND: 181906319)

-Em trai: Ngô Trọng Thắng (Số CMND: 184008454) : Năm giữ 5.300 cổ phần

-Em trai: Ngô Trọng Hà (Số CMND: 187338027) : Năm giữ 7.000 cổ phần

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị khác: (tại thời điểm 01/05/2015)

- Công ty CP 482 : 1.000 CP(tương đương 0,033%)

c. Ông Hoàng Văn Đào – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Hoàng Văn Đào**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15 - 04 – 1965

Nơi sinh : Xã Diễn Thọ, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

Số CMND : 186890093

Ngày cấp : 08/10/2005

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Đông Vĩnh, TP. Vinh, Nghệ An

Trình độ chuyên môn: : -Thạc sỹ Kinh tế xây dựng – Trường ĐH Giao thông vận tải.

-Kỹ sư Công trình thủy - Trường ĐH Hàng Hải.

Quá trình công tác:

10/1990 - 6/1995

Công ty Công trình giao thông 479

7/1995 - 5/2006

Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4.

4/2006 – 12/2007

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 492

01/2008 - Nay

Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành

: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Cơ quan, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

- Chức vụ tại tổ chức khác

: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới.

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 01/05/2015) : 83.300 cổ phần



- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu : 83.300 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không
Những người có liên quan nắm giữ
cổ phiếu của tổ chức phát hành
-Vợ: Trần Thị Nga (Số CMND: : Nắm giữ 7.000 cổ phần
181764869)
Những khoản nợ đối với TCT : Không
Lợi ích liên quan đối với TCT : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không
Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị
khác: (tại thời điểm 01/05/2015)
Công ty CP 482 1.000 CP(tương đương 0,033%)

d. Ông Nguyễn Vĩnh Lộc – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên : **Nguyễn Vĩnh Lộc**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 30 - 8 – 1957
Nơi sinh : Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An
Số CMND : 182201764
Ngày cấp : 10/05/2010
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Phường Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
Trình độ chuyên môn: : - Kỹ sư cầu đường – Trường ĐH Xây dựng
- Cử nhân kinh tế - Học viện Tài chính

Quá trình công tác:
5/1981 - 1/2005 : Công ty đường bộ 471
1/2005 – Nay : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP
Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 01/05/2015) : 216.200 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 216.200 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành : Không

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán đang nắm giữ tại các đơn vị khác (tại thời điểm 01/05/2015) : APS : 52.000 CP (0,133%) ; SCR : 10.000 CP (0,005%); SHB : 115.050 CP (0,013%); B82 : 63.000 CP (2,1%) ; VND : 71.750 CP(0,045%) ; FPT : 23.000 CP (0,006%); BT6 : 44.950 CP (0,14%) ; HVG : 5.000 CP(0,0026%); KLS:12.000CP(0,006%); C92 : 261.416 CP(4,92%); VIS : 10.000 CP (0,02%); ITA : 43.000 CP(0,005%); PDC: 43.900 CP (0,29%); REE:10.000 CP (0,0037%); SAM : 30.000 CP (0,022%)

e. Ông Trần Văn Chín – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Trần Văn Chín**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 04 - 09 – 1959

Nơi sinh : Xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Số CMND : 181543812

Ngày cấp : 19/03/2011

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Kinh tế xây dựng.

Quá trình công tác:

04/1979 - 6/1981 : Công ty sản xuất VLXD thuộc Xí nghiệp liên hiệp công trình I

7/1981 - 03/2004 : Công ty Đường bộ 471

04/2004 – Nay : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 01/05/2015) : 26.400 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 26.400 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành :

+ Con Trần Thị Hạnh (CMT: 186119080): Nắm giữ 5.200 cổ phiếu

+ Con Trần Văn Đăng (CMT: 040088000026) Nắm giữ 5.000 cổ phiếu

Những khoản nợ đối với TCT : Không

Lợi ích liên quan đối với TCT : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không

Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị khác (tại thời điểm 01/05/2015)

- Công ty CP 482 : 5.000 CP(0,167%)

f. Ông Nguyễn Anh Dũng – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Anh Dũng**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 02 - 12 – 1979

Nơi sinh : Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số CMND : 182291195

Ngày cấp : 06/08/2012

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Hưng Phúc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

7/2003 - Nay : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 01/05/2015) : 45.900 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 45.900 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không
Những người có liên quan nắm giữ :
cổ phiếu của tổ chức phát hành
+ Vợ Nguyễn Thị Nhung (CMT: 131638773) : 7.664 cổ phiếu
Những khoản nợ đối với TCT : Không
Lợi ích liên quan đối với TCT : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không
Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị : Không
khác (tại thời điểm 01/05/2015)

g. Ông Đàm Xuân Toan – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Đàm Xuân Toan**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 18 - 9 -1976
Nơi sinh : Xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
Số CMND : 182023963
Ngày cấp : 04/07/2012
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Phường Hưng Phúc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật.
Quá trình công tác:
8/1999 - 3/2000 : Công ty TVTK Sở Giao thông vận tải Nghệ An
4/2000 - Nay : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP
Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không
Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời : 36.300 cổ phần
điểm 01/05/2015)
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu : 36.300 cổ phần
Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không
Những người có liên quan nắm giữ : Không
cổ phiếu của tổ chức phát hành

Những khoản nợ đối với TCT : Không
Lợi ích liên quan đối với TCT : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với TCT : Không
Chứng khoán nắm giữ tại các đơn vị : Không
khác (tại thời điểm 01/05/2015)

13. Tài sản

13.1 Tài sản cố định

❖ **Giá trị tài sản cố định hữu hình theo BCTC công ty mẹ tại thời điểm 31/03/2015.**

Đơn vị giá trị: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.149.334.396.402	1.915.002.705.768	89,10%
2	Máy móc, thiết bị	290.950.792.869	170.869.981.197	58,73%
3	Phương tiện vận tải	97.449.062.545	52.603.405.301	53,98%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.082.508.787	1.570.044.626	50,93%
5	Tài sản hữu hình khác	11.695.650.170	6.654.684.387	56,90%
	Tổng	2.552.512.410.773	2.146.700.821.280	84,10%

Nguồn: BCTC công ty mẹ Quý I/2015 của CIENCO4

❖ **Giá trị tài sản cố định thuê tài chính tại thời điểm 31/03/2014 (công ty mẹ):**

- Nguyên giá: 21.945.064.181 đồng
- Giá trị còn lại: 21.138.386.103 đồng
- Tỷ lệ còn lại: 96,32 %

❖ **Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/03/2015 (công ty mẹ)::**

- Nguyên giá: 34.411.566.128 đồng
- Giá trị còn lại: 33.930.421.426 đồng
- Tỷ lệ còn lại: 98,60 %

❖ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/03/2014 (công ty mẹ):**

Tại thời điểm 31/03/2015, Tổng công ty đang có 8 dự án xây dựng cơ bản dở dang như sau:

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Tên dự án	Tổng chi phí đã thực hiện
1	Công trình chung cư 215 Lê Lợi – TP. Vinh	46.158.514.277
2	Dự án xây dựng tuyến tránh thành phố Vinh - Nghệ An	22.730.602.133
3	Dự án QL 1A Vinh – Hà Tĩnh	3.701.664.055
4	Dự án Cầu Vượt đường sắt QL46	2.681.403.916
5	Dự án Sửa chữa Tuyến tránh Vinh	2.197.764.328
6	Dự án xây dựng Trạm thu phí Bến Thủy 2	2.081.735.939
7	Dự án xây dựng Trụ sở Hạt quản lý (Giai đoạn 1)	14.087.636
8	Dự án khác	2.112.593.968
	Tổng	81.678.366.252

Nguồn: BCTC Quý I /2015 của CIENCO4

13.2 Tình hình sử dụng đất đai

Tính đến ngày 31.03.2015 Tổng công ty đang quản lý và sử dụng 8 lô đất với tổng diện tích đất 29.645,8 m² với: Văn phòng Công ty mẹ trực tiếp quản lý 29.645,8 m² tại Nghệ An, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh:

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 - CTCP**



Stt	Diễn giải	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất
I. Tại Nghệ An					
1	29 Quang Trung, Vinh, Nghệ An (lô 1)	1.603,8	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Đất được giao theo Quyết định số 2359/QĐ-UB ngày 13/11/1993 của UBND tỉnh Nghệ An; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang mã số X327650 theo quyết định số 809/QĐ-UB.ĐC ngày 24/09/2003 của UBND tỉnh Nghệ An.	Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty mẹ và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc	Đất thuê
2	29 Quang Trung, Vinh, Nghệ An (lô 2)	115,4	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Văn bản số 13500/BTC-QLCS ngày 09/10/2013 của Bộ Tài chính về phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 thuộc Bộ Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ-TĐ ngày 25/9/2003; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327618 ngày 13/10/2003	Trụ sở văn phòng làm việc Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	Thuê đất 50 năm, đã trả tiền thuê đất một lần
3	215 Lê Lợi, Vinh, Nghệ An	1.457	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An số 226/QĐ-UBND.ĐC ngày 07/9/2012 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BM 710760 ngày 23/04/2013.	Trụ sở văn phòng làm việc Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	Giao lâu dài có thu tiền sử dụng đất
4	Số 02 đường	220,8	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông	Trụ sở văn phòng	Đất được bàn giao



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 - CTCP**



Stt	Diễn giải	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất
	Nguyễn Du, Vinh, Nghệ An (trạm thu phí Bến Thủy)		vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Quyết định số 1872/QĐ-BGTVT ngày 02/6/2005 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển nguyên trạng toàn bộ trạm thu phí cầu Bến Thủy thuộc Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ 487 về Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 - Quyết định số 4455/QĐ/UB ngày 31/10/1997 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao 220,8m ² đất tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ an cho Khu quản lý đường bộ 4 sử dụng vào mục đích xây dựng trạm thu phí giao thông đường bộ	làm việc Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	quản lý phục vụ dự án BOT tuyến tránh TP Vinh
5	Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An	24.777	- Quyết định số 3258/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được giữ lại, tiếp tục quản lý 04 cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Văn bản số 13500/BTC-QLCS ngày 09/10/2013 của Bộ Tài chính về phương án xử lý tổng thể sắp xếp nhà, đất của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 thuộc Bộ Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Hợp đồng thuê đất số 114/HĐ-TĐ ngày 19/07/2011.	Đang trong quá trình xây dựng làm trụ sở làm việc	Thuê 50 năm trả tiền hàng năm kể từ ngày 30/05/2011
II. Tại Hà Nội					
6	Số 19, Ngõ 1043, Giải Phóng, Hà Nội	563,4	- Hợp đồng thuê đất số 55-2002/ĐCND-HĐTĐTN ngày 18/07/2002 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T813292 cấp ngày 27/12/2002	Văn phòng cho các Ban điều hành dự án của và văn phòng đại diện tại Hà Nội cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Thuê 30 năm trả tiền thuê hàng năm kể từ ngày 19/06/2002



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 - CTCP**



Stt	Diễn giải	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Hình thức thuê, giao đất
III. Tại TP. Hồ Chí Minh					
7	08 thửa đất tại Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	800	- Văn bản số 6148/BGTVT-TC ngày 08/9/2010 của Bộ GTVT thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được tiếp tục quản lý sử dụng các địa chỉ nhà đất trên địa bàn TP HCM; - Chuyển nhượng từ Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh theo hợp đồng gốc số 659TT/HĐCN/TT/BA.31,32,33,34,56,57,58,59/2001 ngày 16/01/2001	Trụ sở làm việc của công ty công trình giao thông 499	Được giao sử dụng lâu dài, đã nộp tiền sử dụng đất
8	171 Hồ Văn Huê, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	108,4	- Văn bản số 6148/BGTVT-TC ngày 08/9/2010 của Bộ GTVT thống nhất Tổng công ty XDCTGT4 được tiếp tục quản lý sử dụng các địa chỉ nhà đất trên địa bàn TP HCM; - Hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà ở số 2014/HĐ-MBN ngày 04/04/1997	Trụ sở làm việc của Tổng công ty	Được giao sử dụng lâu dài, đã nộp tiền sử dụng đất

Nguồn: CIENCO4



14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 – 2016

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015-2016

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	% tăng giảm so với 2014	Giá trị	% tăng giảm so với 2015
1. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.000	66,67%	1.000	0%
2. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.500	11,23%	8.625	15%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	121	30,11%	167	38,01%
4. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,61	44%	1,94	20,5%
5. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	$\geq 15\%$	0%	$\geq 15\%$	0%
6. Cổ tức	%	$\geq 15\%$	0%	$\geq 15\%$	0%

Nguồn: CIENCO4

14.2 Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.

Để thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, CIENCO 4 đưa ra 06 nhóm giải pháp gồm:

a) Giải pháp về sản phẩm và thị trường:

- Trên cơ sở ngành nghề và thị trường truyền thống, cần nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường truyền thống, mở rộng địa bàn thi công sang các nước trong khu vực. Tranh thủ tối đa sự chỉ đạo, tạo điều kiện của Bộ Giao thông vận tải, các địa phương, tiếp cận kế hoạch phát triển của các khu vực kinh tế trọng điểm, mở rộng liên danh liên kết để tham gia các dự án có nguồn vốn trong nước, nước ngoài, hoặc các dự án BOT, BT...
- Mở rộng quan hệ với các Nhà thầu có uy tín trong nước và nước ngoài có uy tín để làm đối tác chiến lược lâu dài ở thị trường trong nước và thế giới.
- Các đơn vị thành viên cần chủ động trong công tác tìm kiếm việc làm, tăng cường cán bộ có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận công tác thị trường.
- Các đơn vị thành viên có quỹ đất có thể chuyển đổi mục đích sử dụng, cần tích cực xúc tiến dự án nhà chung cư, khu thương mại - dịch vụ tổng hợp. Trong quá trình triển khai dự án cần chọn đối tác có năng lực thật sự để thực hiện dự án thành công.
- Mở rộng thị trường nhập khẩu các thiết bị máy móc, vật tư từ nước ngoài cho nhiều lĩnh vực

và nhiều khách hàng.

- Nghiên cứu và tìm kiếm các dự án đầu tư hiệu quả trước mắt và trong tương lai.

b) Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ:

Thực hiện chiến lược đổi mới công nghệ, nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và nông nghiệp; tăng cường đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Tổng công ty xác định đây là lĩnh vực then chốt, có tính chất quyết định cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Điều đó được cụ thể hóa trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

○ **Công nghệ thi công cầu - hầm:**

Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện tất cả các dây chuyền công nghệ hiện có theo xu hướng hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa. Đảm bảo các sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt nhất, an toàn và có tính mỹ thuật cao, ngày càng thỏa mãn các yêu cầu của Khách hàng.

Giai đoạn trước mắt là nghiên cứu cải tiến tất cả các biện pháp tổ chức thi công theo hướng chuyên nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tất cả hệ thống phụ trợ thi công từ đà giáo ván khuôn đến cầu công vụ... sẽ được tính toán thiết kế chi tiết đảm bảo vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động cao nhất, nhằm đưa lại hiệu quả tốt nhất cho các dây chuyền công nghệ. Xây dựng hình ảnh công nghiệp, hiện đại trên các công trường mang thương hiệu CIENCO4.

Đối với công nghệ mới: Công nghệ xây dựng cầu dây văng, cầu vòm thép nhồi bê tông, cầu vòm BTCT nhịp lớn, công nghệ xây dựng hầm qua núi, hầm ngầm Metro, công nghệ cọc ống thép trong thi công móng trụ cầu ... sẽ được tập trung nghiên cứu, ứng dụng. Tiếp tục tổ chức các lớp học chuyên đề cho hệ thống kỹ sư về loại hình công nghệ này. Liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận công nghệ. Cử cán bộ, công nhân tham gia chính thức vào các dự án của đối tác nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm thực tế, sẵn sàng chủ động về nhân lực, thiết bị và công nghệ khi có điều kiện áp dụng.

○ **Kế hoạch:**

Năm 2014 Tổng công ty đã bắt đầu ứng dụng công nghệ cọc ống thép để làm vòng vây thi công hố móng (liên doanh với Sumitomo Mishui). Tổng công ty sẽ cử cán bộ kỹ sư và công nhân tham gia dự án cầu dây văng, có thể là trong vai trò thầu phụ quốc tế hoặc liên doanh liên kết. Từ 2015 đến 2016 sẽ tiếp cận công nghệ thi công hầm Metro trong vai trò là thầu phụ quốc tế.

Để thực hiện kế hoạch này, hiện tại Cienco4 đã bắt đầu nghiên cứu, thiết kế về mặt lý thuyết và tổng hợp thành các đề tài nghiên cứu công nghệ và ván khuôn thi công tháp dây văng, công nghệ và xe đúc hẫng dầm và lắp dây văng, công nghệ cọc ống thép, thiết bị và công nghệ thi công hầm qua núi. Đối với công nghệ cầu vòm BTCT nhịp lớn cong không gian, đang được CIENCO4 áp dụng và sẽ hoàn thiện trong thời gian sớm tới đây tại công trình cầu Cổ Cò, Đà Nẵng.

○ **Công nghệ thi công đường:**

Định hướng trong thời gian tới: tiếp tục đổi mới và hoàn thiện đồng bộ các thiết bị thi công; nhằm từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm.

Đối với một số công nghệ mới, vật liệu mới trong thi công đường: sẽ tập trung nghiên cứu một số loại hình có khả năng ứng dụng cao và đem lại hiệu quả kinh tế, như: Cọc cát có vỏ bọc VĐKT, Cọc đất gia cố xi măng, Công nghệ Bắc thăm hút chân không; Công nghệ tái chế BTN trong công tác bảo trì đường bộ... Ngoài ra, đối với các vật liệu mới: BTN Polimer, các loại phụ gia tăng liên kết trong BTN, sẽ được nghiên cứu ứng dụng và phổ biến rộng rãi.

○ **Ứng dụng vật liệu mới và một số hoạt động KHCN khác:**

Tiếp tục hợp tác toàn diện về Khoa học Công nghệ với các đơn vị nghiên cứu (Trường Đại học Giao thông vận tải, Viện Khoa học Công nghệ,...) để khai thác tiềm năng và kinh nghiệm của các chuyên gia trong lĩnh vực Giao thông vận tải.

Liên doanh, liên kết, hợp tác với các Tập đoàn lớn (Sumimoto, Tokyu, Shamwan, Posco, Keangnam, v.v) để bổ sung, hoàn thiện hệ thống Quản lý chất lượng theo hướng tiên tiến, khoa học và hiệu quả; Đồng thời tăng sức cạnh tranh trong đấu thầu tìm kiếm việc làm và từng bước mở rộng thị trường ra nước ngoài.

Hợp tác với các đối tác khác để tổ chức các hội thảo Khoa học Công nghệ theo từng chuyên đề về công nghệ mới, vật liệu mới v.v để tổng kết và đúc rút kinh nghiệm.

Trong lĩnh vực thí nghiệm: Đã ký kết hợp tác với Trường Đại học Giao thông vận tải thành lập phòng thí nghiệm trọng điểm, có đủ năng lực và thiết bị để phục vụ thí nghiệm và nghiên cứu tất cả các loại hình cần thiết trong ngành xây dựng công trình giao thông. Đặc biệt giai đoạn tới đây sẽ nghiên cứu triệt để về vấn đề vết hằn bánh xe trên mặt đường bê tông nhựa.

c) Giải pháp về tài chính, vốn:

Cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư. Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, bảo toàn và phát triển vốn.

d) Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Tổng công ty; Tiếp tục bổ sung, sửa đổi hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty cổ phần, phù hợp với mục tiêu phát triển của Tổng công ty và phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
- Đẩy mạnh thực hiện chức năng nghiên cứu phát triển, đổi mới tổ chức, quản lý, công nghệ, thiết bị, đầu thầu tìm việc làm, phát triển thị trường, đào tạo.
- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kien toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, đổi mới công nghệ trong cơ chế thị trường.
- Tập trung đầu tư phát triển các công ty, đơn vị phụ thuộc để các công ty này trở thành đơn vị hàng đầu của Tổng công ty; Xây dựng một số công ty này mạnh về quy mô, tiềm lực, thiết bị, công nghệ, tài chính để nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của các dự án lớn, đòi hỏi cao về trình độ kỹ thuật, công nghệ và tính chuyên nghiệp cao.
- Hoàn thiện cơ chế liên kết giữa các doanh nghiệp thành viên trong Tổng công ty thông qua hợp đồng kinh tế, các nội quy, quy chế quản lý, hợp tác giữa công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết, giữa các công ty con, công ty liên kết với nhau, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của các dự án lớn, đòi hỏi cao về trình độ kỹ thuật, công nghệ và tính chuyên nghiệp cao, hoạt động hiệu quả.
- Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật, kịp thời chấn chỉnh sai phạm, có giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chú trọng kiểm soát rủi ro tài chính để kịp thời có biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro và điều chỉnh hoạt động của đơn vị kịp thời, phù hợp. Nắm bắt đầy đủ thông tin về hoạt động của các Công ty cổ phần để tham gia vào các quyết định của HĐQT, HĐQT.

e) Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị công nghệ, đặc biệt là các công nghệ thi công cầu đường hiện đại; đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ và tay nghề cho công nhân kỹ thuật; đầu tư nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.
- Tiếp tục có chính sách để đầu tư vào các công ty thành viên sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có tiềm năng lợi thế lớn;
- Tiếp tục đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng giao thông có hiệu quả theo hình thức BOT.

f) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Tổng công ty là nhiệm vụ trọng tâm và cấp thiết để góp phần tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả sản xuất kinh doanh; chương trình được xây dựng và triển khai một cách khoa học, có tính kế thừa lâu dài; đảm bảo mục tiêu phát triển của Tổng công ty vừa đảm bảo chủ động trong sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tiếp thu và làm chủ được công nghệ tiên tiến và yêu cầu hội nhập, hợp tác quốc tế; thực hiện hiệu quả chương trình nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng chiến lược xây dựng Tổng công ty phát triển bền vững, trở thành một đơn vị mạnh của ngành Giao thông vận tải. Các giải pháp cụ thể như sau:

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Tổng công ty;
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực xây dựng công trình cầu, đường và một số lĩnh vực khác; làm chủ được các công nghệ thi công các công trình cầu, đường tiên tiến. Bảo đảm đủ lực lượng công nhân kỹ thuật, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của Tổng công ty;
- Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo mới, đào tạo lại, tổ chức tuyển dụng theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết hợp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp với đào tạo trình độ chính trị, ngoại ngữ, tin học.... Định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và tiếp thu công nghệ mới, trong đó chú trọng đến công tác học tập, nâng cao trình độ cho cán bộ, kỹ sư và công nhân kỹ thuật;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi đối với người lao động; Thực hiện chính sách ưu tiên

- bổ nhiệm, sử dụng, đãi ngộ cán bộ giỏi, có năng lực để duy trì và phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút nhân lực từ bên ngoài;
- Không ngừng nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Coi tiền lương là đòn bẩy đảm bảo sản xuất phát triển, để duy trì đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật với ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm tốt; đảm bảo phân phối tiền lương công bằng thỏa mãn với sự cống hiến của người lao động.

14.3 Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Tổng công ty

Định hướng phát triển kinh doanh chính của CIENCO4 là tập trung vào lĩnh vực xây dựng cầu, đường và các công trình giao thông làm mũi nhọn, phát triển Tổng công ty một cách bền vững và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Tầm nhìn đến năm 2025 của CIENCO4 cụ thể như sau:

➤ **Chiến lược về đầu tư:**

- Trở thành nhà đầu tư và quản lý cơ sở hạ tầng giao thông chuyên nghiệp, có năng lực quản lý nhiều dự án có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp;
- Đầu tư các gói thầu của dự án mở rộng Quốc lộ 1A theo hình thức BOT, BT;
- Nâng cao năng lực và lợi thế kinh doanh, hợp tác để lựa chọn các đối tác trong và ngoài nước để đầu tư vào các dự án giao thông theo mô hình mới như hình thức PPP;
- Phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư, tái cơ cấu danh mục đầu tư.

➤ **Chiến lược về vốn:**

- Trong năm 2015, Tổng công ty dự kiến tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
- Đến năm 2020, Tổng công ty dự kiến vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng.

➤ **Chiến lược về sản phẩm chính:**

- **Xây lắp công trình:** Nâng cao năng lực dây chuyền công nghệ để tăng hiệu quả thi công, tập trung các nguồn lực đầu tư công nghệ mới để đảm nhận thi công được các dự án lớn có kết cấu dây văng, hầm đường bộ, cầu vượt biển, cảng biển, sân bay.
- **Đầu tư công trình:** Quản lý đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo mọi hình thức, đổi mới và nâng cao năng lực để quản lý hiệu quả các dự án có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, có yêu cầu về tiến độ; Quản lý, bảo trì và tổ chức thu phí các tuyến đường bộ được giao thu phí dự án.

- **Dịch vụ:** Nâng cao chất lượng tư vấn, kiểm định chất lượng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Khảo sát xây dựng công trình;
- **Sản phẩm vật tư kỹ thuật xây dựng nhập khẩu:** Mở rộng thị trường về nhập khẩu vật tư kỹ thuật và thiết bị trong nước chưa sản xuất được; trước mắt cung cấp cho thi công các công trình của Tổng công ty và phát triển mở rộng thị trường trong nước và khu vực.
- **Sản phẩm vật liệu xây dựng:** Xây dựng kế hoạch cung ứng theo hướng trực tiếp với các nhà sản xuất, phấn đấu để đến năm 2020 trở thành nhà phân phối sản phẩm sản xuất trong nước (như thép, xi măng, ...)
- **Chiến lược thị trường:** Tiếp tục duy trì và phát triển hơn nữa thương hiệu Tổng công ty trong ngành, nâng cao uy tín với các chủ đầu tư và trở thành nhà đầu tư có hiệu quả các dự án BOT, BT, BOO, ...
- **Chiến lược khoa học công nghệ:** Sở hữu các công nghệ thi công cầu đường tiên tiến như cầu dây văng, cầu trên biển, cảng biển, cầu bê tông cốt thép khẩu độ lớn, thi công đường bộ cao tốc, ...

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Tổng công ty qua các năm 2012, 2013 và 2014; Căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Tổng công ty giai đoạn 2015 - 2016, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động tiêu cực lớn thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Tổng công ty được xây dựng trong giai đoạn này là hợp lý.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Tổng công ty. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Tổng công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng công ty

Không có.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Toàn bộ cổ phiếu của Tổng Công ty (bao gồm cả số cổ phiếu phát hành thêm) sẽ được đưa vào giao dịch tại thị trường có tổ chức trong vòng một năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số chứng khoán chào bán: 40.000.000 cổ phiếu được chia làm hai đợt:

- Đợt 1 chào bán 12.000.000 cổ phiếu
- Đợt 2 chào bán 28.000.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/ cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần) cho cả 2 đợt phát hành

5. Phương pháp tính giá

Tổng công ty sử dụng kết hợp các phương pháp: phương pháp giá trị sổ sách (BV), phương pháp sử dụng hệ số P/B, phương pháp sử dụng hệ số P/E:

5.1 Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách (BV).

Tại ngày 31/12/2014:

Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu/Số cổ phần đang lưu hành

$$= 669.015.461.766 / 60.000.000$$

$$= 11.150,25 \text{ đồng/cổ phần}$$

*: Vốn chủ sở hữu bao gồm phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014.

* *: Số lượng cổ phiếu lưu hành đang lưu hành thời điểm 31/12/2014 là 60.000.000 cổ phần

5.2 Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các doanh nghiệp cùng ngành mà Tổng công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Danh sách các Công ty được lấy làm tham chiếu so sánh:

<i>TT</i>	<i>Mã CK</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Giá tại ngày 23/3/2015</i>	<i>BV 2014</i>	<i>P/B</i>
1	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	24,30	19,249	1,26
2	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	16,20	13,692	1,18
3	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	18,20	14,358	1,27
4	FCN	CTCP Kỹ Thuật Nền Móng và Công trình Ngâm Fecon	22,70	16,049	1,41
5	HTI	CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	17,20	14,169	1,21
P/B bình quân					1,27

Như vậy, giá trị cổ phần theo phương pháp P/B: $11.150,25 \times 1,27 = 14.141,9$ đồng/cp

5.3 Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Tổng công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Tổng công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Danh sách các Công ty được lấy làm tham chiếu so sánh:

<i>TT</i>	<i>Mã CK</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Giá tại ngày 23/3/2015</i>	<i>EPS 2013</i>	<i>P/E</i>
1	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	24,30	12,77	1,90
2	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	16,20	3,32	4,88
3	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	18,20	3,04	5,42
4	FCN	CTCP Kỹ Thuật Nền Móng và Công trình Ngầm Fecon	22,70	3,04	7,46
5	HTI	CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	17,20	1,47	11,7 2
P/E bình quân					6,28

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2014: 1.550 đồng

Giá trị cổ phần theo phương pháp P/E: $1.550 \times 6,28 = 9.734$ đồng/cp

6. Phương thức phân phối

Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2015/NQ-HĐQT ngày 29/03/2015, Tổng công ty sẽ chào bán 40.000.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Tổng công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu như sau:

Đợt 1:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 1 đến D + 7
4	Chuyển nhượng quyền mua	D + 7 đến D + 27

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
6	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 7 đến D + 40
7	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 40 đến D + 50
8	Báo cáo kết quả phát hành	D + 50 đến D + 55

Đợt 2: Lịch trình phân phối cổ phiếu cho đợt phát hành thứ 2 sẽ được HĐQT quyết định và thông báo dựa theo tình hình thực tế.

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1 Công bố báo chí

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, Tổng công ty sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông của đợt phát hành tăng vốn từ 600 tỷ đồng lên 720 tỷ đồng.

Đối với đợt phát hành tăng vốn từ 720 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng, HĐQT dựa vào tình hình thực tế sẽ quyết định thời gian cụ thể thực hiện. Tổng công ty sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán sau khi có quyết định chính thức từ HĐQT.

8.2 Đăng ký mua cổ phiếu

○ Xác định Danh sách sở hữu cuối cùng

Đợt 1: Tổng công ty sẽ lập Danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về ngày chốt danh sách.

Đợt 2: Sau khi thực hiện đợt phát hành lần 1, HĐQT sẽ dựa vào tình hình thực tế để quyết định lịch trình thực hiện cho đợt phát hành lần 2.

○ Phân bổ và thông báo quyền mua

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ có danh sách sở hữu cuối cùng, Tổng công ty sẽ

thông báo và phân bổ quyền mua cho các cổ đông hiện hữu.

○ ***Tỷ lệ thực hiện quyền***

- **Đợt 1, tăng vốn từ 600 tỷ đồng lên 720 tỷ đồng:** Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1, nghĩa là: tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 5 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ : Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 1.004 cổ phần. Như vậy, cổ đông A sẽ được mua thêm số cổ phần là: $1.004 \times 1/5 = 200,8$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần thực tế mà cổ đông A sẽ được mua thêm là 200 cổ phần.

- **Đợt 2, tăng vốn từ 720 tỷ đồng lên 10.000 tỷ đồng:** Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1000:388, nghĩa là: tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 1.000 quyền mua sẽ được mua 388 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ : Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 1.004 cổ phần. Như vậy, cổ đông A sẽ được mua thêm số cổ phần là: $1.004 \times 388/1000 = 389,55$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần thực tế mà cổ đông A sẽ được mua thêm là 389 cổ phần.

○ ***Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn lại sau khi kết thúc phát hành***

Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt phát hành, sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

○ ***Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần:***

Đợt 1: Các cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 33 ngày, từ ngày D + 7 đến ngày D + 40 tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Đợt 2: Dựa vào tình hình thực tế HĐQT sẽ quyết định thời gian thực hiện cụ thể.

○ ***Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:***

Đợt 1: Các cổ đông thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần trong vòng 20 ngày, từ ngày D + 7 đến ngày D + 27 tại Tổng công ty.

Đợt 2: Dựa vào tình hình thực tế HĐQT sẽ quyết định thời gian thực hiện cụ thể.

○ ***Các quyền khác của cổ đông***

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua một phần hoặc toàn bộ số cổ phần chào bán kèm theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ 3) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

○ ***Chuyển giao cổ phiếu***

Đợt 1: Cổ phiếu phát hành thêm được chuyển giao cho cổ đông từ ngày D + 50.

Đợt 2: Dựa vào tình hình thực tế HĐQT sẽ quyết định thời gian cụ thể thực hiện.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ - TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào công ty cổ phần đại chúng là 49%. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Tổng công ty tại thời điểm 01.05.2015 là 8,43%.

Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ này, Tổng công ty phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm chốt danh sách nhà đầu tư mua trong đợt phát hành để phân bổ quyền, Tổng công ty sẽ kiểm tra tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Số lượng cổ phần phát hành thêm của Tổng công ty là cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.

11. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức ... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

11.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- Kỳ tính thuế:
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

11.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Số tài khoản: 1004 010 383

Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội- Phòng giao dịch Bà Triệu.

Người thụ hưởng: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 -CTCP

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán



Hiện nay, Tổng công ty đã hoàn thành và đang triển khai các dự án BOT (dự án tuyến tránh vinh - TP Hà Tĩnh, Nghi Sơn - Cầu Giát, Cầu Yên Lệnh giai đoạn 1 và giai đoạn 2, Thái Nguyên - Chợ Mới) với nhu cầu vốn chủ sở hữu đầu tư vào các dự án trên là rất lớn (xấp xỉ 1.200 tỷ đồng) trong khi số vốn hiện tại của Tổng công ty là 600 tỷ đồng chỉ đạt 50% so với nhu cầu thực tế. Chính vì vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên của CIENCO4 năm 2015 đã ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 06/2015/NQ-HĐQT ngày 29/03/2015 nhằm thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ.

Sau khi phân tích tình hình thực tế và để đảm bảo tính ổn định của Tổng công ty, ĐHĐCĐ đã quyết định chia lộ trình tăng vốn điều lệ từ 600 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng làm 02 đợt: đợt 1 Tổng công ty sẽ phát hành 12.000.000 cổ phiếu để tăng vốn từ 600 tỷ đồng lên 720 tỷ đồng, đợt 2 sẽ phát hành 28.000.000 cổ phiếu để tăng vốn từ 720 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng. Số vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng vào mục đích như sau:

- **Đợt 1:** Số tiền thu được từ đợt phát hành tăng vốn từ 600 tỷ đồng lên 720 tỷ đồng, dự kiến là 120 tỷ đồng, sẽ được sử dụng để góp vốn vào Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới (Bắc Kạn) và nâng cấp, mở rộng QL3 đoạn Km75 – Km100 theo hình thức hợp đồng BOT
- **Đợt 2:** Số tiền thu được từ đợt chào bán thứ 2, với số vốn thu được dự kiến là 280 tỷ đồng, sẽ được phân bổ vào 3 dự án:
 - Tiếp tục góp vốn vào Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới (Bắc Kạn) và nâng cấp, mở rộng QL3 đoạn Km75 – Km100 theo hình thức hợp đồng BOT
 - Góp vốn vào Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng QL38 đoạn Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT
 - Góp vốn vào 3 công ty con: Công ty Công trình Giao thông 422, Chi nhánh Hà Nội, Công ty Công trình Giao thông 499.

Chi tiết việc sử dụng vốn vào các dự án như sau:

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên - Chợ Mới

Đây là dự án xây dựng đường cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới (dài 40,3 km) có điểm đầu giao với Quốc lộ 3 tại Km75+750 (thuộc địa phận xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương) và điểm cuối giao với đường trục khu công nghiệp Thanh Bình (thuộc xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới). Tuyến

đường được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc, với tốc độ thiết kế 60-80 km/h để nâng thành đường cao tốc trong giai đoạn sau. Dự án có quy mô 2 làn xe cơ giới, bề rộng nền đường 12m.

Ngoài ra, dự án còn nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn Km75 - Km100 có điểm đầu tại nút giao Tân Long (xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên) và điểm cuối tại nút giao với đường 268 thuộc địa phận xã Yên Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Đoạn đường sẽ được giữ nguyên quy mô, cấp đường hiện tại đối với đoạn Km75-Km93, mở rộng đảm bảo quy mô tiêu chuẩn cấp đường III miền núi đối với đoạn Km93-Km100. Nền đường rộng tối thiểu 9m.

Dự án đầu tư được khởi công từ tháng 09/2014 và dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2016. Chủ đầu tư dự án là liên danh giữa Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 (Cienco 4), Công ty CP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Trường Lộc Việt Nam. Tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 2.746 tỷ đồng, bao gồm cả lãi vay

Hồ sơ pháp lý của dự án:

- Bản sao Thỏa thuận liên danh giữa Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trường Lộc Việt Nam ký ngày 02/07/2014 về việc liên danh trong dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới (Bắc Kạn) và nâng cấp, mở rộng QL3 theo hình thức hợp đồng BOT
- Giấy CN ĐKKD số 4601188635 của Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới do Sở KH và ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 28/10/2014.

Dự án đầu tư xây dựng quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức BOT (Giai đoạn 2)

Đây là dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 37, với điểm đầu là Km69+762.35 (ngã ba Phan Chu Trinh giao đường Phạm Bạch Hổ) thuộc phường Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên và điểm cuối là Km82+300 (nút giao Vực Vòng giữa QL38 với đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình) thuộc xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, Hà Nam. Tổng chiều dài tuyến: 12,42km (bao gồm cầu Yên Lệnh). Đối với đoạn tuyến mới quy mô 2 làn xe cơ giới, Bn=12m, Bm=11m, bao gồm 2 làn xe cơ giới và 2 làn xe thô sơ và lề đất. Mặt đường cấp cao A1, Eyc $\geq$ 160Mpa, lớp mặt bê tông nhựa chặt, rải móng, lớp móng bằng cấp phối đá dăm.

Dự án đầu tư được khởi công từ tháng 03/2015 và dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2016. Chủ đầu tư dự án là liên danh giữa Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 (Cienco 4) và

Tổng công ty Thăng Long-CTCP. Tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 833 tỷ đồng

Hồ sơ pháp lý của dự án

- Bản sao Thỏa thuận liên danh giữa Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long - CTCP ký ngày 21/10/2014 về việc liên danh trong dự án đầu tư xây dựng QL 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT.
- Giấy CN ĐKKD số 0900213811 của Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh do Sở KH và ĐT tỉnh Hưng Yên cấp, thay đổi lần thứ tư ngày 20/04/2015

Dự án đầu tư góp vốn vào 3 công ty con bao gồm: Công ty Công trình Giao thông 422, Chi nhánh Hà Nội, Công ty Công trình Giao thông 499

• **Công ty công trình giao thông 422**

- Dự án đầu tư: Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH một thành viên
- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Vận tải hành khách

• **Công ty công trình giao thông 499**

- Dự án đầu tư: Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH một thành viên
- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Vận tải hành khách

• **Chi nhánh Hà Nội**

- Dự án đầu tư: Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH một thành viên
- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; chuẩn bị mặt bằng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao

• **Hồ sơ pháp lý**

- Nghị quyết HĐQT Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP số 04/2015-BQ-HĐQT ngày 20/01/2015, trong đó mục 3 quy định về việc thông qua chủ trương chuyển đổi mô hình hoạt động các đơn vị hoán phụ thuộc (bao gồm Công ty Công trình Giao thông 422, Chi nhánh Hà Nội, Công ty Công trình Giao thông 499) thành Công ty TNHH một thành viên.
- Nghị quyết HĐQT Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP số 07/2015-BQ-HĐQT ngày 06/03/2015 về chủ trương cấp vốn điều lệ cho các Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty làm chủ sở hữu.

2. Phương án khả thi

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới và dự án đầu tư xây dựng QL38 đoạn Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng được thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT, được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt theo Quyết định số 3287/QĐ-BGTVT ngày 28/08/2014 và Quyết định số 34/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2015. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã ký thỏa thuận liên danh với các công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trường Lộc Việt Nam và Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long – CTCP, nhằm thực hiện các dự án trên. Như vậy, có thể thấy rằng các dự án đầu tư của Tổng Công ty được đảm bảo về cả định hướng chính sách nhà nước lẫn sự hợp tác của các doanh nghiệp tư nhân nhằm mục đích sinh lời.

Tại thời điểm 31/12/2014, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Tổng công ty đang là 11.150,3 đồng/ cổ phiếu. Bên cạnh đó, dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2015-2016, hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty luôn ở mức trên 12%. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến hàng năm cũng luôn lớn hơn 10% /năm.

So sánh với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 5 năm của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2014 là 6,20%/năm⁷, khả năng sinh lời từ vốn đầu tư vào CIENCO4 là rất khả quan. Với giá phát hành chỉ là 10.000/ cổ phần, tí nh khả thi của đợt chào bán cổ phiếu lần này là rất cao.

Trong trường hợp số vốn huy động được không đạt được mức tối thiểu mong muốn, Ban lãnh đạo Tổng công ty cũng đã tính đến phương án huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác hoặc sử dụng linh hoạt vốn lưu động hiện có, để đầu tư dự án của Tổng công ty.

⁷ Lãi suất niêm yết trên website www.vietcombank.com.vn

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Đợt 1: Tăng vốn từ 600 tỷ đồng lên 720 tỷ đồng

Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng từ đợt phát hành	Số tiền tối thiểu cần thu được từ đợt phát hành
1	Góp vốn vào Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới (Bắc Kạn) và nâng cấp, mở rộng QL3 đoạn Km75 – Km100 theo hình thức hợp đồng BOT	120.000.000.000	60.000.000.000
	Tổng cộng	120.000.000.000	60.000.000.000

Đợt 2: Tăng vốn từ 720 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng từ đợt phát hành	Số tiền tối thiểu cần thu được từ đợt phát hành
1	Góp vốn vào Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới (Bắc Kạn) và nâng cấp, mở rộng QL3 đoạn Km75 – Km100 theo hình thức hợp đồng BOT	130.000.000.000	100.000.000.000
2	Góp vốn vào Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng QL38 đoạn Cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT	60.000.000.000	30.000.000.000
3	Góp vốn vào 3 Công ty TNHH MTV do TCT đầu tư 100% vốn (Công ty 422, CNHN, Công ty 499)	90.000.000.000	60.000.000.000
	Tổng cộng	280.000.000.000	190.000.000

Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến: Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Tổng công ty sẽ thực hiện huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác hoặc sử dụng linh hoạt vốn lưu động hiện có, để đầu tư dự án của Tổng công ty.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CTY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - TDK



Địa chỉ: Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN, Phường Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04. 4450 0668 Fax: 04. 4450 0669
Website: <http://kiemtoanthanglongtdk.com>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biến cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688
Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Điện thoại: (08) 39151368 Fax: (08) 39151369

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3525777 Fax: 0511.3525779

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán lần này sẽ được sử dụng để đầu tư bổ sung vào các dự án hiện tại của Tổng công ty.

Khối lượng chào bán đợt này khá lớn với 40.000.000 cổ phiếu, tương đương 400 tỷ đồng, tương ứng 66,67% vốn điều lệ hiện tại của Tổng công ty, tuy nhiên nguồn vốn này chủ yếu phát hành cho cổ đông hiện hữu, là các cổ đông đã biểu quyết thông qua phương án phát hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Bên cạnh đó, việc giá phát hành dự kiến là 10.000 đồng, thấp hơn

giá trị sổ sách ở thời điểm hiện tại nên tổ chức tư vấn đánh giá cơ hội thành công của đợt phát hành này là rất lớn.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị về phương án xử lý số cổ phần không bán hết, số cổ phần cổ đông hiện hữu từ chối mua sẽ được Hội đồng quản trị Tổng công ty phân phối cho các đối tượng mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp và hiện nay Hội đồng quản trị CIENCO4 cũng đã tích cực làm việc với các đối tác quan tâm đến cổ phần của Tổng công ty cũng như tình hình kinh doanh của Tổng công ty, bước đầu đã thu được kết quả nhất định. Đây là điểm thuận lợi cho đợt phát hành tăng vốn lần này của Tổng công ty.

IX. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty đại chúng
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán công ty mẹ 2013, 2014, Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2013, 2014; Báo cáo tài chính Quý 1/2015.
- 4. Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ
- 5. Các phụ lục khác**

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN QUANG VINH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LƯƠNG THỊ THANH BÌNH

NGUYỄN TUẦN HUỖNH



NGUYỄN VĨNH LỘC

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TIẾN